

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai
giai đoạn 2026-2030, tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20/6/2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng ngày 27/6/2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự; số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực Đê điều và Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương; Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT ngày 06/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 951/TTr-SNNMT ngày 18/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026-2030, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Ban Chỉ đạo PTDS quốc gia
- Văn phòng Chính phủ
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường
- Bộ Tư lệnh Quân khu 4
- Thường trực: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh
- Ủy ban Mặt trận TQ Việt Nam tỉnh;
- Bộ Chỉ huy QS tỉnh, Công an tỉnh;
- TV Ban Chỉ huy tỉnh (được kiện toàn tại QĐ số 1559/QĐ-UBND ngày 29/5/2026);
- Đảng ủy các xã, phường;
- Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực 1,2,3,4,5;
- Chủ các hồ chứa thủy lợi, thủy điện (Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi);
- VNPT Thanh Hóa, Điện lực Thanh Hóa, Viettel Thanh Hóa;
- Đài Khí tượng TV tỉnh, Đài thông tin duyên hải TH;
- Lưu: VT, NNMT, TDNC, CN, VX, THĐT, KTTC.

(để b/c);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

KẾ HOẠCH

Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026-2030, tỉnh Thanh Hóa

*(Kèm theo Quyết định số: 1886 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

PHẦN I

CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, CĂN CỨ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Cơ sở chính trị

- Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai;

- Kết luận số 213-KL/TW ngày 21/11/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2020 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

- Kế hoạch số 200-KH/TU ngày 29/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

- Kế hoạch số 23-KH/TU ngày 07/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 213-KL/TW ngày 21/11/2025 của Ban Bí thư “Về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai”.

2. Căn cứ pháp lý và các văn bản chỉ đạo có liên quan

- Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

- Luật Phòng thủ dân sự ngày 20/6/2023;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng ngày 27/6/2025;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

- Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

- Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực Đê điều và Phòng, chống thiên tai;

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai;

- Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia đến năm 2025;

- Quyết định số 1651/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia;

- Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

- Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương;

- Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT ngày 06/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

- Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

- Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động của UBND tỉnh Thanh Hóa thực hiện Quyết định số 987/QĐ-TTg ngày 09/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch hành động số 200-KH/TU ngày 29/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

- Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai;

- Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai thực hiện “Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai thực hiện Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 10/3/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 08/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 23-KH/TU ngày 07/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 213-KL/TW ngày 21/11/2025 của Ban Bí thư “Về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai”.

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu chung

Xác định những nhiệm vụ chủ yếu trong công tác phòng, chống thiên tai cần tiếp tục tập trung thực hiện trong giai đoạn 2026-2030 nhằm nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, tạo điều kiện phát triển bền vững kinh tế - xã hội, góp phần giữ vững an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai và liên quan đến phòng, chống thiên tai thuộc trách nhiệm của tỉnh, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

- Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức về thiên tai, phấn đấu 100% chính quyền các cấp, cơ quan, tổ chức và hộ gia đình được tiếp nhận đầy đủ thông tin và hiểu biết kỹ năng phòng tránh thiên tai.

- Kien toan to chuc, luc luong lam cong tac phong, chong thien tai cua tinh theo huong tinh gọn, chuyen nghiep, duoc đào tạo, tập huấn, trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng, bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phương tiện, trang thiết bị phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tiên tiến, hiện đại, đáp ứng được yêu cầu.

- Năng lực theo dõi, giám sát, dự báo, cảnh báo thiên tai được hiện đại hóa, đáp ứng được yêu cầu; 100% các khu vực trọng điểm, xung yếu phòng, chống thiên tai (trọng tâm là hệ thống công trình đê điều, hồ đập trọng điểm, xung yếu, mất an toàn) được lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát; 100% tàu cá đánh bắt vùng khơi được lắp đặt hệ thống giám sát, bảo đảm thông tin liên lạc.

- Cơ sở dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai được hình thành theo hướng đồng bộ, liên thông, theo thời gian thực, đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung”.

- Cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai, nhất là hệ thống đê điều, hồ đập, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, công trình phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn được nâng cao, đảm bảo an toàn theo mức thiết kế, không làm gia tăng rủi ro thiên tai.

2. Yêu cầu

a) Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình thực tế và nguồn lực của tỉnh. Xác định công tác phòng, chống thiên tai là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm và nghĩa vụ của toàn dân, toàn xã hội trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, tổ chức và cá nhân chủ động, cộng đồng hỗ trợ, giúp nhau. Đề cao vai trò chủ động tại cơ sở và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

b) Xác định những nhiệm vụ chủ yếu trong công tác phòng, chống thiên tai cần tiếp tục tập trung thực hiện trong giai đoạn 2026-2030 nhằm nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, tạo điều kiện phát triển bền vững kinh tế - xã hội, góp phần giữ vững an ninh, quốc phòng của tỉnh.

c) Kế hoạch phòng, chống thiên tai được thực hiện đồng bộ theo 3 giai đoạn: phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả, trong đó lấy nội dung chủ động phòng ngừa là chính.

d) Phòng, chống thiên tai phải theo hướng quản lý, phòng ngừa rủi ro theo lưu vực, liên vùng, liên ngành; nội dung phòng, chống thiên tai phải được lồng ghép trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các địa phương và chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, phải tính toán đầy đủ các tác động của thiên tai, hạn chế làm gia tăng rủi ro thiên tai.

đ) Phòng, chống thiên tai phải thực hiện theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, sử dụng hiệu quả nguồn lực của nhà nước, phát huy mọi nguồn lực và trách nhiệm của cộng đồng, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

e) Phòng, chống thiên tai trên cơ sở ứng dụng công nghệ tiên tiến; kế thừa, phát huy những kinh nghiệm truyền thống; thúc đẩy hợp tác, trao đổi, chia sẻ thông tin với các địa phương trong nước, ngoài nước và các tổ chức quốc tế.

PHẦN II

ĐẶC ĐIỂM VỀ TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI, CƠ SỞ HẠ TẦNG TỈNH THANH HÓA

I. ĐẶC ĐIỂM VỀ TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

Tỉnh Thanh Hoá có tọa độ địa lý như sau:

- Điểm cực Bắc: 20°40'N;
- Điểm cực Nam: 19°18'S;
- Điểm cực Đông: 106°04'E;
- Điểm cực Tây: 104°22'W.

Thanh Hóa tiếp giáp với các tỉnh và có đường biên giới như sau:

- Phía Bắc: Giáp 3 tỉnh, gồm: Sơn La, Phú Thọ, Ninh Bình với đường ranh giới dài 175 km;
- Phía Nam: Giáp tỉnh Nghệ An với đường ranh giới dài 160 km;
- Phía Đông: Giáp biển Đông với chiều dài đường bờ biển 102 km;
- Phía Tây: Giáp tỉnh Hủa Phăn của nước CHDCND Lào với đường biên giới dài 213,6 km.

2. Đặc điểm địa hình: Thanh Hóa có địa hình khá phức tạp, chia cắt nhiều, thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam, 3/4 diện tích là đồi núi và được phân thành 3 vùng địa lý rõ rệt, gồm vùng miền núi, đồng bằng và ven biển:

- Vùng miền núi: Gồm 74 xã, có độ cao trung bình từ 600-700 m, độ dốc trên 25%, địa hình phức tạp, chia cắt gây trở ngại cho phát triển kinh tế - xã hội; là khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của các loại hình thiên tai như lũ quét, sạt lở đất, mưa đá, rét hại, lốc, sương muối, cháy rừng do tự nhiên,....

- Vùng đồng bằng: Gồm 76 xã, phường. Vùng có độ cao trung bình từ 2-15 m, địa hình bằng phẳng, đất đai chủ yếu là phù sa bồi đắp bởi hệ thống sông Mã, sông Yên và sông Hoạt; là khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của các loại hình thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, ngập lụt, hạn hán,....

- Vùng ven biển: Gồm 16 xã, phường với chiều dài bờ biển là 102 km. Vùng đất ven biển nằm ở phía trong các bãi cát có độ cao trung bình từ 3-6 m; ngoài ra còn có một số vùng sinh lầy các cửa sông thuộc hệ thống sông Mã, sông Yên; là khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của các loại hình thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng,...

3. Đặc điểm địa chất

Đối với đặc điểm địa chất của tỉnh Thanh Hóa, đứt gãy Sông Mã có một vai trò lớn, đứt gãy này kéo dài từ Điện Biên theo hướng Đông Nam chạy gần dọc

theo hướng sông Mã của Thanh Hóa rồi ra Biển Đông, nó là ranh giới của hai khu vực cấu trúc lớn là Bắc Bộ nằm ở phía bắc thuộc khối nền Hoa Nam - Bắc Bộ và khu vực Việt - Lào thuộc địa khối Indosinia nằm ở phía nam. Như vậy địa phận Thanh Hóa bị đứt gãy Sông Mã chia làm hai phần thuộc hai đơn vị cấu trúc là Bắc Bộ và Việt - Lào nằm ở hai phía của đứt gãy.

4. Đặc điểm khí tượng, thủy văn, hải văn

- Khí hậu: Thanh Hoá nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1.600-2.000 mm, mỗi năm có khoảng 90-130 ngày mưa. Độ ẩm tương đối từ 85% đến 87%, số giờ nắng bình quân khoảng 1.600-1.800 giờ. Nhiệt độ trung bình 23 độ C - 24 độ C, nhiệt độ giảm dần khi lên vùng núi cao. Hướng gió phổ biến mùa Đông là Tây Bắc và Đông Bắc, mùa hè là Đông và Đông Nam.

- Thủy văn: Thủy văn Thanh Hóa đặc trưng bởi hệ thống sông ngòi dày đặc, phân bố theo hướng Tây - Đông, chịu ảnh hưởng mạnh bởi khí hậu nhiệt đới gió mùa; trên địa bàn tỉnh có 4 hệ thống sông chính (hệ thống sông Mã, hệ thống sông Yên, hệ thống sông Hoạt, hệ thống sông Bạng); đặc điểm các dòng chính của các hệ thống như sau:

+ Sông Mã: Bắt nguồn từ tỉnh Điện Biên, dòng chính sông Mã có chiều dài khoảng 547 km, phần chảy qua lãnh thổ Lào là 102 km và chảy trên phần lãnh thổ Việt Nam là 445 km. Tổng diện tích toàn lưu vực khoảng 28.490 km², diện tích lưu vực thuộc Việt Nam khoảng 17.690 km².

+ Sông Yên: Bắt nguồn từ xã Bình Lương, sông Yên có chiều dài trên địa bàn tỉnh khoảng 96 km. Tổng diện tích toàn lưu vực khoảng 1.633 km².

+ Sông Hoạt: Bắt nguồn từ vùng núi Hang Cửa (huyện Hà Trung cũ), sông Hoạt có chiều dài khoảng 55 km. Tổng diện tích toàn lưu vực khoảng 250 km².

+ Sông Bạng: Bắt nguồn từ xã Trường Lâm, sông Bạng có chiều dài trên địa bàn tỉnh khoảng 31,6 km. Tổng diện tích toàn lưu vực khoảng 307 km².

- Hải văn: Chế độ triều ở ven biển Thanh Hoá là chế độ nhật triều không thuần nhất, chu kì triều trên dưới 24 giờ. Thời gian triều lên ngắn (khoảng 9 giờ) thời gian triều xuống dài (khoảng 14-15 giờ). Những ngày triều cường thời gian triều lên dài hơn, những ngày nước sinh thời gian triều lên lại đặc biệt ngắn, khoảng 2-3 giờ.

II. ĐẶC ĐIỂM VỀ DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Đặc điểm về dân sinh

- Dân số toàn tỉnh khoảng 3.771.769 người; mật độ dân số 339 người/km²; dân cư phân bố ở thành thị là 868.806 người (chiếm 23,03%), dân cư phân bố ở nông thôn là 2.902.963 người (chiếm 76,97%); toàn tỉnh có khoảng 1,3 triệu người thuộc đối tượng dễ bị tổn thương; số lượng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh khoảng trên 700.000 người, sinh sống trên bàn của 78 xã.

- Theo Quyết định số 806/QĐ-BNNMT ngày 11/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, tỉnh Thanh Hóa có 12.275 hộ nghèo (chiếm 1,21%), 46.752 hộ cận nghèo (chiếm 4,60%). Theo kết quả thống kê, rà soát, năm 2026, trên địa bàn tỉnh có 111.356 hộ/426.062 nhân khẩu đang sinh sống ở các khu vực ven sông, ven biển, khu vực có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét và sạt lở đất cần phải sơ tán khi có thiên tai xảy ra.

- Công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích, di sản văn hóa được quan tâm thực hiện. Phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, xây dựng tập thể, cá nhân kiểu mẫu được đẩy mạnh (tỉ lệ gia đình được công nhận danh hiệu gia đình văn hóa năm 2025 ước đạt 83,5%; tỉ lệ thôn, bản, tổ dân phố được công nhận danh hiệu “Khu dân cư văn hóa” năm 2025 ước đạt 82,5%; tỉ lệ xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị đạt tiêu chí kiểu mẫu năm 2025 ước đạt 24,25%).

- Giáo dục mũi nhọn luôn đứng trong top đầu của cả nước (từ năm 2021-2025 học sinh của tỉnh đã đoạt 09 huy chương tại các kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế); chất lượng giáo dục đại trà chuyển biến tích cực. Tỉ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2025 ước đạt 86,9%.

- Các cơ sở y tế tiếp tục nâng cao chất lượng, tăng cường ứng dụng kỹ thuật mới trong khám, chữa bệnh. Đến năm 2025, số giường bệnh/vạn dân ước đạt 44 giường; số bác sỹ/vạn dân ước đạt 13 bác sỹ; tỉ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế ước đạt 100%; tỉ lệ dân số tham gia BHYT ước đạt 95%.

2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021-2025 đứng thứ 4 toàn quốc; quy mô nền kinh tế năm 2025 xếp thứ 11 cả nước. Thu ngân sách nhà nước duy trì đà tăng ổn định, đưa Thanh Hóa vào nhóm 10 địa phương có số thu cao nhất cả nước. Đặc điểm, tình hình các ngành kinh tế thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai như sau:

- Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hiện nay phát triển khá toàn diện theo hướng quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, gắn với tiêu thụ sản phẩm, tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm ước đạt 3,81%; giá trị sản xuất trồng trọt trên 01 ha canh tác năm 2025 ước đạt 127 triệu đồng; là một trong những địa phương có tổng đàn vật nuôi thuộc nhóm đầu cả nước (đàn trâu xếp thứ 2, đàn lợn xếp thứ 3, đàn gia cầm xếp thứ 4, đàn bò xếp thứ 5 cả nước). Tỉ lệ che phủ rừng năm 2025 ước đạt 54%.

- Công nghiệp, xây dựng hiện nay phát triển mạnh; lĩnh vực công nghiệp tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm ước đạt 14,15%, lĩnh vực xây dựng tăng trưởng bình quân hằng năm 7,34%.

- Ngành dịch vụ tăng trưởng bình quân hằng năm 8,01%. Thương mại phát triển theo hướng văn minh, hiện đại; quy mô thị trường tăng mạnh, năm 2025 đứng thứ 7 cả nước; giá trị xuất khẩu năm 2025 ước đạt 8 tỉ USD. Đã đưa vào

khai thác một số khu, điểm, sản phẩm du lịch mới; năm 2024, Thanh Hóa xếp thứ 4 cả nước về thu hút khách du lịch và xếp thứ 5 về tổng thu du lịch.

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội: Duy trì tốc độ tăng trưởng hàng năm ở mức 02 con số; chuyển mạnh mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm lớn của khu vực và cả nước về công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp quy mô lớn giá trị gia tăng cao, du lịch, dịch vụ logistics.

Phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa; giữ vững thành tích giáo dục mũi nhọn, thể thao thành tích cao trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước; đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm về dịch vụ y tế kỹ thuật cao của khu vực Bắc Trung bộ. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên và thích ứng tốt với biến đổi khí hậu

III. ĐẶC ĐIỂM CƠ SỞ HẠ TẦNG TỈNH THANH HÓA

1. Về giao thông: Thanh Hóa là tỉnh có hệ thống giao thông vận tải đa dạng, gồm: đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng không, cảng biển, bến thủy đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

1.1. Đường bộ: Gồm 01 tuyến cao tốc dài 98,8km; 13 tuyến quốc lộ dài 1.381,4km (trong đó, Sở Xây dựng quản lý 11 tuyến dài 1.153,8km); 71 tuyến đường tỉnh dài 1.578,6km và 17 tuyến đường khác với chiều dài 328,1km do Sở Xây dựng quản lý; hệ thống đường địa phương gồm đường đô thị, đường chuyên dùng và đường giao thông nông thôn với chiều dài 25.481,7km. Những năm vừa qua, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của tỉnh có những bước phát triển mạnh mẽ, theo hướng hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các công trình có tính kết nối, lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

Tuy nhiên, do đặc điểm địa hình với 3/4 diện tích là vùng miền núi, nhiều công trình giao thông đi qua khu vực địa hình đồi núi phức tạp nên khi thiên tai xảy ra tiềm ẩn nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất đá, mất an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông; một số tuyến đường bộ có nguy cơ cao xảy ra ngập lụt cục bộ khi có mưa lớn, hệ thống công trình ngầm, tràn, cầu rất lớn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, có thể phát sinh nhiều sự cố, tai nạn khi có mưa, lũ,....

1.2. Đường thủy nội địa: Gồm 22 tuyến đường thủy nội địa, với chiều dài 761km (trong đó, đường thủy nội địa quốc gia 7 tuyến dài 187,5km, đường thủy nội địa địa phương 15 tuyến dài 573,5km) và 55 bến thủy nội địa, 40 bến khách ngang sông. Hệ thống giao thông đường thủy nội địa tương đối lớn, với nhiều bến bãi và tàu, thuyền, xà lan hoạt động vận chuyển hàng hóa, hành khách tiềm ẩn nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn đường thủy, đặc biệt là khi xảy ra thiên tai như mưa, bão, lũ làm cho lưu lượng dòng chảy tăng cao, xuất hiện nhiều điểm xoáy nước gây phức tạp về luồng lạch, sương mù gây hạn chế tầm quan sát.

1.3. Đường sắt: Có chiều dài 103,5 km và 10 ga; trong đó có 02 ga chính

(Thanh Hóa, Bỉm Sơn) và 08 ga phụ (Đò Lèn, Nghĩa Trang, Yên Thái, Minh Khôi, Văn Trai, Khoa Trường, Trường Lâm, Thị Long). Trên địa bàn tỉnh hiện nay tồn tại nhiều vị trí có khả năng xảy ra ngập lụt, trượt lở đất đá vào đường ray, xói lở nền đá,... khi có mưa, bão, gây mất an toàn giao thông đường sắt.

1.4. Cảng biển: Có 2 cảng biển (cảng Nghi Sơn và cảng Lễ Môn).

- Cảng Lễ Môn: Là cảng tổng hợp công suất 300.000 tấn/năm, cho phép tàu 1.000 tấn ra vào, luồng tàu dài 16 km.

- Cảng biển Nghi Sơn được xác định là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (cảng biển loại 1) đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ Khu Kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa và các vùng lân cận. Cảng biển Nghi Sơn gồm 3 khu vực chính: khu bến cảng chuyên dụng, khu bến cảng tổng hợp, khu bến cảng container. Hiện nay, ngoài khu bến cảng chuyên dụng, có 9 khu bến cảng đã được đầu tư xây dựng cho phép tiếp nhận tàu đến 50.000 DWT, có thể tiếp nhận tàu 70.000 DWT giảm tải; các bến còn lại đang triển khai đầu tư.

- Cảng biển là nơi tập trung lượng hàng hóa, tàu vận tải với nhiều cơ sở hạ tầng quan trọng như bến cảng, nhà kho, nhà xưởng, hệ thống truyền tải điện,... có nguy cơ rất cao xảy ra các sự cố khi có thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới,....

1.5. Hàng không: Có 1 cảng Hàng không (Thọ Xuân).

2. Hiện trạng mạng lưới điện

- Về nguồn điện: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 19 nhà máy điện đang vận hành, với tổng công suất 2.488,4 MW, trong đó: có 13 dự án thủy điện với tổng công suất 610,7 MW (Cửa Đạt, Trung Sơn, Bá Thước 1, Bá Thước 2, Dốc Cáy, Bái Thượng, Thành Sơn, Xuân Minh, Cẩm Thủy 1, Trí Nang, Trung Xuân, Sông Mực, Bàn Thạch); 01 nhà máy điện mặt trời Yên Thái công suất 30MW; 03 nhà máy điện sinh khối với tổng công suất 47,7 MW (nhà máy đường Lam Sơn; nhà máy đường mía Việt Nam - Đài Loan; nhà máy đường Nông Cống); 02 nhà máy nhiệt điện với tổng công suất 1.800MW (Nhiệt điện Nghi Sơn 1, Nhiệt điện BOT Nghi Sơn 2). Ngoài ra, còn có 05 hệ thống phát điện tận dụng nhiệt dư với tổng công suất 97,2MW; 01 hệ thống phát điện tự dùng của Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn công suất 349,4MW; 713 hệ thống điện mặt trời với tổng công suất là 99,71 MWp (khoảng 83,75MW).

- Về lưới điện:

- + Lưới điện 500kV: Trên địa bàn tỉnh đang vận hành 02 TBA 500kV (Nghi Sơn 2 và Thiệu Hóa) với tổng công suất 2.100 MVA; 345,74km đường dây 500kV (gồm Mạch 1, Mạch 2 và Mạch 3).

- + Lưới điện 220kV: Trên địa bàn tỉnh đang vận hành 05 TBA 220kV với tổng công suất 2.250 MVA; 443,6km đường dây 220kV.

- + Lưới điện 110kV: Trên địa bàn tỉnh đang vận hành 46 TBA 110kV với tổng công suất 3.514 MVA; 1.094 km đường dây 110kV.

+ Lưới điện trung áp: Trên địa bàn tỉnh đang vận hành 10 TBA trung gian với tổng công suất 91,9MVA và 10.642 TBA phân phối với tổng công suất 3.787 MVA; 9.648 km đường dây trung áp.

+ Lưới điện hạ áp: Trên địa bàn tỉnh có 16.417 km đường dây hạ áp.

- Lưới điện trung áp cơ bản đáp ứng nhu cầu cấp điện trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên một số tuyến đường dây trung áp 10kV đã được đầu tư từ lâu, chất lượng xuống cấp, tổn thất lớn, một số tuyến đường dây 35kV bán kính cấp điện dài, chưa đảm bảo độ ổn định cung cấp điện. Hệ thống nguồn điện và mạng lưới điện có nguy cơ cao xảy ra sự cố chập, cháy nổ, đặc biệt khi có thiên tai như mưa, bão, lũ, ngập lụt, sạt lở đất, lốc, sét... gây mất an toàn hệ thống, mất điện, ảnh hưởng lớn đến công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai (ảnh hưởng hệ thống thông tin liên lạc chỉ huy, chỉ đạo điều hành; việc vận hành các trạm bơm tiêu, chống úng,...).

3. Hiện trạng thủy lợi, đê điều, cấp, thoát nước, thủy sản

3.1. Hệ thống cấp nước

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 54 công trình, nhà máy cấp nước sinh hoạt đang hoạt động với tổng công suất thiết kế khoảng 435.915 m³/ngày.đêm; trong đó một số nhà máy có công suất lớn như: Nhà máy nước Hàm Rồng, Mật Sơn, Quảng Thịnh có tổng công suất 125.000 m³/ngày.đêm; nhà máy nước Bim Sơn 10.000m³/ngày.đêm; nhà máy nước Bình Minh công suất 30.000m³/ngày.đêm, nhà máy nước hồ Quế Sơn công suất 30.000 m³/ngày.đêm, nhà máy nước Hao Hao 12.000 m³/ngày.đêm;...

- Đến hết năm 2025, tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,5%, được sử dụng nước sạch là 65,0%.

3.2. Hệ thống thoát nước: Hầu hết các đô thị ở Thanh Hóa chưa được đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước hoàn chỉnh. Hiện tại, trên địa bàn tỉnh có 3 hệ thống xử lý nước thải tập trung, cụ thể: hệ thống thu gom, xử lý nước thải phường Hạc Thành với công suất 15.000 m³/ngày.đêm; hệ thống thu gom, xử lý nước thải của phường Quang Trung với công suất 3.500 m³/ngày.đêm; hệ thống thu gom, xử lý nước thải phường Sầm Sơn với công suất 6.000 m³/ngày.đêm.

3.3. Hệ thống đê điều

- Thanh Hóa là tỉnh có hệ thống đê điều lớn, toàn tỉnh có 1.008 km đê sông, đê biển; trong đó đê từ cấp I đến cấp III dài 315 km, đê dưới cấp III dài 693 km, 1.141 cống qua đê và 3 âu, 545 kè lát mái với tổng chiều dài là 307,12 km.

- Hệ thống đê đi qua 84 xã, phường; dân số được bảo vệ khoảng hơn 2,8 triệu người, đây là những vùng trọng điểm kinh tế, văn hóa, chính trị của tỉnh. Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và các Bộ, ngành Trung ương, đã đầu tư tu bổ, nâng cấp hệ thống đê điều nhưng vẫn chưa đáp ứng so với yêu cầu thực tế, hiện còn nhiều đoạn đê, kè yếu ách cần được tu bổ, nâng cấp để đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai; đặc biệt trong năm

2025 nhiều tuyến đê đã tràn, xấp xỉ tràn, một số vị trí mực nước lũ đã vượt giá trị lũ lịch sử. Theo kết quả kiểm tra, rà soát, trước mùa mưa bão năm 2026, toàn tỉnh còn tồn tại 44 trọng điểm xung yếu về đê điều.

3.4. Hệ thống thủy lợi

- Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh hiện có 610 hồ chứa, 1.023 đập dâng, 895 trạm bơm tưới tiêu và khoảng hơn 15.900 km kênh mương.

- Hệ thống thủy lợi phục vụ tưới những năm qua đã được đầu tư sửa chữa, nâng cấp giúp chủ động tưới, tiêu ổn định cho khoảng 310.000 ha đất gieo trồng cây hàng năm, trong đó diện tích lúa cả năm được tưới khoảng 237.000 ha, đạt 96% diện tích gieo trồng; màu và cây công nghiệp ngắn ngày được tưới khoảng 73.000 ha. Mục tiêu cấp nước của công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020-2025 cơ bản bảo đảm nguồn cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt, song cần tiếp tục nâng cao tính bền vững, hiệu quả và hiện đại hóa hệ thống trong giai đoạn tiếp theo.

- Tuy nhiên, kết quả đạt được vẫn còn những hạn chế, hệ thống công trình thủy lợi còn nhiều công trình hư hỏng, xuống cấp chưa được đầu tư; công tác giám sát chất lượng nước chưa thường xuyên, thiếu hệ thống quan trắc hiện đại; năng lực tiêu, thoát nước ở một số khu vực đô thị, vùng hạ lưu sông lớn chưa đáp ứng yêu cầu khi xảy ra mưa lớn cục bộ; tình trạng bồi lắng, ô nhiễm trong hệ thống kênh tiêu vẫn còn phổ biến; việc tách riêng hệ thống tiêu, thoát nước mưa và nước thải chưa đồng bộ. Điển hình như năm 2019 và năm 2025, khi có mưa lớn từ 250 mm đến 500 mm, đã gây ngập úng nhiều khu vực trên diện rộng, ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của người dân, gây mất an toàn cho nhiều công trình hạ tầng trên địa bàn tỉnh. Theo kết quả kiểm tra, rà soát trước mùa mưa bão năm 2026, toàn tỉnh còn 58 hồ chứa bị hư hỏng, mất an toàn.

3.5. Hạ tầng thủy sản

- Toàn tỉnh có 08 cảng cá, trong đó có 03 cảng đã được UBND tỉnh công bố mở cảng cá loại II, do Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý (Cảng cá Hòa Lộc, Cảng cá Lạch Hới, Cụm cảng cá Lạch Bạng); 04 cảng cá do địa phương quản lý và 01 cảng cá do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý là cảng cá Hòn Mê, Đảo Hòn Mê.

- Toàn tỉnh có 04 khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đã được đầu tư và đang hoạt động, gồm: Khu neo đậu tránh trú bão Lạch Hới với quy mô sức chứa 700 tàu, công suất tối đa đến 600CV (cấp vùng); khu neo đậu tránh trú bão Lạch Bạng với quy mô sức chứa 800 tàu, công suất tối đa đến 400CV (cấp tỉnh); khu neo đậu tránh trú bão Lạch Trường với quy mô sức chứa 264 tàu, công suất tối đa đến 400CV (cấp tỉnh) và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá cửa sông Lý có sức chứa 315 tàu (cấp tỉnh).

4. Cơ sở hạ tầng dự báo, cảnh báo thiên tai

Trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 8 trạm đo khí tượng, 16 trạm thủy văn (các trạm cơ bản), 210 trạm đo mưa tự động, 82 trạm đo mưa thủ công, 63 trạm đo

mực nước, 16 trạm đo mặn, 01 trạm cảnh báo đông sét, 41 hệ thống cảnh báo hạ du hồ chứa; 03 trạm thông tin báo bão và bắn pháo hiệu phục vụ công tác cảnh báo sớm, tham mưu cho việc chỉ đạo điều hành ứng phó với thiên tai. Cơ sở hạ tầng dự báo, cảnh báo thiên tai thời gian gần đây đã được đầu tư các trang thiết bị phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm, tuy nhiên số lượng các trạm khí tượng, thủy văn, các trang thiết bị phục vụ dự báo, cảnh báo vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu.

5. Cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc

- Hạ tầng thông tin bưu chính của Bưu điện tỉnh Thanh Hóa: Bưu điện tỉnh Thanh Hóa có mạng lưới Bưu chính với 82 Bưu cục và 573 điểm Bưu điện Văn hóa xã. Đã tổ chức 27 Đội giao thông hỏa tốc đảm bảo xử lý các tình huống khẩn cấp khi có thiên tai xảy ra.

- Hạ tầng thông tin viễn thông công cộng mặt đất, bao gồm: **(1)** Hạ tầng truyền dẫn, gồm mạng cáp quang tốc độ cao và các tuyến truyền dẫn Viba số dự phòng trong các trường hợp các tuyến cáp quang gặp sự cố, mất liên lạc; **(2)** Hệ thống viễn thông cố định, bao gồm 2.785 thiết bị truy nhập Internet băng thông rộng; **(3)** Hệ thống thông tin di động mặt đất, gồm 9.650 trạm BTS (100% các xã, phường đã được xây dựng trạm BTS; phạm vi phủ sóng thông tin di động trên 99,8% dân cư của tỉnh).

- Hệ thống thông tin vệ tinh, gồm: Hệ thống thông tin cố định vệ tinh VSAT-IP; hệ thống VSAT-Trunking; hệ thống Hội nghị trực tuyến vệ tinh VSAT-IP; hệ thống điện thoại di động vệ tinh Inmarsat.

- Hệ thống thông tin vô tuyến điện, gồm: Hệ thống thông tin vô tuyến điện sóng ngắn; hệ thống thông tin vô tuyến điện của Đài Thông tin duyên hải Thanh Hóa; hệ thống truyền hình hội nghị.

Cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc có ý nghĩa hết sức quan trọng trong công tác phòng, chống thiên tai, nhằm nắm bắt nhanh chóng thông tin, tình hình từ cơ sở và truyền đạt các nội dung chỉ đạo điều hành. Mặc dù đã được đầu tư tương đối đầy đủ các loại hình hạ tầng, tuy nhiên trong thực tế những năm gần đây, trên địa bàn tỉnh khi có thiên tai xảy ra một số địa phương vẫn bị cô lập, mất liên lạc tạm thời.

6. Cơ sở hạ tầng giáo dục

Trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 2.020 trường học với 30.039 lớp học, cụ thể: 680 trường Mầm non, 588 trường Tiểu học, 606 trường Trung học cơ sở, 106 trường Trung học phổ thông, 24 Trung tâm Giáo dục thường xuyên, 16 trường Trung cấp, Cao đẳng có giảng dạy Giáo dục thường xuyên. Trong năm 2025, có 287 lượt trường/điểm trường đã bị ảnh hưởng, thiệt hại do thiên tai gây ra, trong đó chủ yếu do ảnh hưởng của sạt lở đất tại khu vực miền núi, ngập lụt tại các vùng trũng thấp và ảnh hưởng của các đợt đông, lốc gây tốc mái, gãy cành, đổ các cây xanh trong khuôn viên nhà trường.

7. Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp

Toàn tỉnh hiện có 42 Khu công nghiệp với diện tích 14.380 ha, trong đó Khu Kinh tế Nghi Sơn có 23 phân khu với diện tích 7.532 ha, ngoài Khu Kinh tế Nghi Sơn có 19 Khu công nghiệp với diện tích 6.848 ha.

PHẦN III NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH

I. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành của tỉnh liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai

Các văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách và các văn bản chỉ đạo, điều hành của Trung ương liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai đều được tỉnh chỉ đạo triển khai kịp thời, hiệu quả. Đồng thời, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành đầy đủ các văn bản, Kế hoạch, Đề án về công tác phòng, chống thiên tai để chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện, cụ thể:

- Kế hoạch hành động số 200-KH/TU ngày 29/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng.
- Kế hoạch số 23-KH/TU ngày 07/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 213-KL/TW ngày 21/11/2025 của Ban Bí thư “Về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai”.
- Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 987/QĐ-TTg ngày 09/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch hành động số 200-KH/TU ngày 29/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.
- Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị Quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai.
- Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai thực hiện “Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
- Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai thực hiện Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
- Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 10/3/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa

về việc triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất tại các xã miền núi của tỉnh giai đoạn 2026-2030”.

- Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 08/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 23-KH/TU ngày 07/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 213-KL/TW ngày 21/11/2025 của Ban Bí thư “Về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai”.

2. Hệ thống phòng thủ dân sự các cấp và quy chế phối hợp

- Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp: Tỉnh Thanh Hóa đã thành lập Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh và 166 Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã (tương ứng với 166 xã, phường) theo đúng quy định của Luật Phòng thủ dân sự năm 2023 và Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự; đồng thời xây dựng, ban hành quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể cho thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp. Trong đó, quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp đã quy định cụ thể về nhiệm vụ phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh có 02 Văn phòng: Văn phòng thường trực Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh đặt tại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Văn phòng Chỉ huy Phòng, chống thiên tai đặt tại Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Văn phòng Chỉ huy Phòng, chống thiên tai tỉnh hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, sử dụng tổ chức bộ máy, biên chế của Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường để thực hiện nhiệm vụ. Văn phòng Chỉ huy Phòng, chống thiên tai tỉnh đã được đầu tư một số trang thiết bị, công cụ, cơ sở dữ liệu cơ bản đáp ứng được yêu cầu. Kinh phí hoạt động của Văn phòng Chỉ huy Phòng, chống thiên tai tỉnh được bố trí từ Ngân sách tỉnh.

- Bộ máy Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp và các cơ quan tham mưu, giúp việc trên địa bàn tỉnh đều đã được thành lập, kiện toàn theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, từ thực tiễn cho thấy, bộ máy chỉ huy, điều hành tại cấp xã có lúc, có nơi còn lúng túng, chưa chủ động thực hiện các nhiệm vụ trong công tác phòng, chống thiên tai thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của cấp mình; điển hình là trong các đợt thiên tai lớn xảy ra vào năm 2025.

3. Công tác dự báo, cảnh báo sớm: Công tác dự báo, cảnh báo sớm trên địa bàn tỉnh những năm vừa qua (thông qua cơ quan trung ương, cơ quan dự báo khí tượng thủy văn và các cơ quan có trách nhiệm dự báo, cảnh báo trong tỉnh, khu vực) đã có những chuyển biến rất rõ rệt, nhất là dự báo, cảnh báo cho các loại hình thiên tai như Bão, ATNĐ, lũ,... Tuy nhiên, số lượng các trạm khí tượng, thủy văn, các trang thiết bị phục vụ dự báo, cảnh báo sớm trên địa bàn tỉnh vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, nhất là công tác dự báo, cảnh báo đối với các loại hình thiên tai như mưa cường suất lớn, lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt, lốc, sét, mưa đá,...

4. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ phòng, chống thiên tai

Các cấp, các ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao đã chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; một số phương tiện, vật tư, trang thiết bị chính hiện có như sau:

- Lực lượng: Đã rà soát, bổ sung, hoàn thiện phương án huy động lực lượng tham gia công tác PCTT và TKCN với 129.077 người tham gia; trong đó, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã ký kết hiệp đồng với các đơn vị lực lượng vũ trang của Quân khu 4 đóng quân trên địa bàn tỉnh để sẵn sàng huy động 1.950 chiến sỹ tham gia công tác PCTT và TKCN.

- Vật tư: Các địa phương, đơn vị đã tích cực chuẩn bị vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai, đến nay toàn tỉnh đã chuẩn bị được: 41.845 m³ đá hộc; 10.548 m³ đá dăm, sỏi; 7.113 m³ cát; 63.705 m³ đất; 22.590 cái rọ thép; 768.995 chiếc bao tải; 225.580 m² bạt, 134.594 cọc tre, ... và các loại vật tư khác.

- Phương tiện, trang thiết bị: 589 nhà bạt cứu sinh; 19.168 phao áo cứu sinh; 13.664 phao tròn cứu sinh; 2.302 máy phát điện; 11.143 áo mưa chuyên dùng; 30 flycam; 1.652 loa cầm tay; 91.510 m dây thừng; 399 cái phao bè; 1.425 cái cửa xăng; 209 máy thổi gió; 304 chiếc xe cứu hộ, cứu thương, chữa cháy; 545 chiếc tàu, thuyền, ca nô, xuồng, mô tô nước cứu hộ, cứu nạn; 3.928 chiếc ô tô chở người; 1.860 chiếc ô tô tải; 897 chiếc máy (ủi, xúc); 10 bộ vượt sông nhẹ và các phương tiện khác.

- Y tế, hậu cần: 2.683 tấn gạo; 173.054 thùng mỳ tôm; 133.744 thùng nước uống đóng chai; 704.642 lít dầu Diesel; 736.231 lít Xăng; 337.250 lít Dầu hỏa; 76 tổ vận chuyển cấp cứu; 41 đội phẫu thuật; 37 cơ sở y dụng cụ; 100 cơ sở thuốc; 2.370 tấn phen chua; 526.886 viên và 2.056 kg Cloramin B;...

Qua theo dõi, kiểm tra thực tế tại các địa phương, công tác chuẩn bị, dự trữ các điều kiện cần thiết theo phương châm “4 tại chỗ” đã có những tiến bộ rõ rệt. Tuy nhiên vẫn còn nhiều địa phương chuẩn bị chậm, hình thức, chiều lệ; các loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị không được rà soát, kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên nên khi có tình huống xảy ra chưa phát huy hết hiệu quả.

5. Công tác ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh đã xác định rõ trách nhiệm của lực lượng vũ trang trong công tác ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn là nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu. Quán triệt và chấp hành nghiêm các chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên, hàng năm, các cơ quan, đơn vị đã chủ động triển khai đồng bộ từ khâu lập kế hoạch, dự kiến phương án, đến việc chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, sẵn sàng cơ động làm nhiệm vụ khi có tình huống xảy ra. Ngoài ra, các địa phương đã chủ động bố trí lực lượng, phương tiện theo phương châm “4 tại chỗ” để chủ động trong công tác ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Khi có các tình huống xảy ra, các lực lượng đã nắm chắc tình hình, phối hợp chặt chẽ nhằm ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn phụ trách.

Từ năm 2021 đến nay, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh và các địa phương đã điều động trên 189.205 lượt cán bộ, chiến sỹ, các lực lượng khác và trên 5.530 lượng phương tiện, trang thiết bị các loại để tham gia công tác ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Kết quả đã sơ tán 36.944 hộ dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai đến nơi an toàn. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh ta có nhiều khu vực, vị trí rất dễ bị chia cắt, cô lập khi có thiên tai; mặt khác, tỉnh còn thiếu các phương tiện, trang thiết bị tiên tiến, hiện đại phục vụ công tác ứng phó, tìm kiếm cứu nạn; nhất là các phương tiện cứu hộ trên biển, khu vực bị chia cắt, cô lập, sạt lở,...

6. Thông tin, truyền thông về phòng, chống thiên tai

Chính quyền các địa phương đã thông qua nhiều hình thức để phổ biến nội dung các văn bản chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai đến cộng đồng, cụ thể: văn bản điện tử, fax, email, SMS, hệ thống truyền hình, phát thanh, truyền đạt trực tiếp và các hình thức khác; đối với các phương tiện hoạt động trên biển thông qua Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa, Đài Thông tin Duyên hải, hệ thống thông tin của Bộ đội Biên phòng tỉnh và các hệ thống thông tin khác của hộ gia đình, cá nhân.

Văn phòng Chỉ huy phòng, chống thiên tai tỉnh đã phối hợp với Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa mở chuyên mục “Chủ động phòng, chống thiên tai” trên sóng của Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa để tuyên truyền, phổ biến rộng rãi pháp luật về phòng, chống thiên tai, đề điều, thủy lợi; phổ biến kiến thức, kinh nghiệm về ứng phó thiên tai đến các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư để các cấp, các ngành và mọi người dân chủ động ứng phó khi thiên tai xảy ra; đồng thời, biểu dương những gương người tốt, việc tốt trong việc phòng, chống thiên tai. Xây dựng Cổng Thông tin điện tử về PCTT và TKCN của tỉnh để đăng tải và phổ biến kiến thức về thiên tai, các văn bản chỉ đạo điều hành về ứng phó với thiên tai, các chuyên mục về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; tăng cường đăng tải các thông tin, kiến thức về phòng, chống thiên tai, ứng phó sự cố và tìm kiếm cứu nạn trên các ứng dụng mạng xã hội như Facebook, Zalo. Hiện nay, hầu hết các địa phương đều đã xây dựng trang Facebook “Phòng, chống thiên tai”, kết

nổi với trang của tỉnh và Trung ương, thường xuyên theo dõi, cập nhật, chia sẻ các thông tin, bài viết từ trang của tỉnh và Trung ương.

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực, kỹ năng ứng phó đối với các loại hình thiên tai, tình huống sự cố thông qua công tác tuyên huấn, các lớp tập huấn cho cán bộ, hội viên, tình nguyện viên và cộng đồng dân cư; tuyên truyền gián tiếp thông qua các tờ rơi, các bài viết trên báo, đài, các phương tiện truyền thông. Hội Chữ thập đỏ tỉnh tổ chức lồng ghép tuyên truyền trực tiếp về Luật Phòng, chống thiên tai thông qua các lớp tập huấn cho cán bộ, hội viên, tình nguyện viên và cộng đồng dân cư; tuyên truyền gián tiếp thông qua các tờ rơi, các bài viết trên báo, đài; trong đó, tập trung chủ yếu tuyên truyền về vai trò và trách nhiệm của cộng đồng trong phòng, chống thiên tai.

Kết quả trong giai đoạn 2021 - 2025, toàn tỉnh đã tổ chức trên 140 lớp đào tạo, tập huấn với trên 6.562 lượt người tham gia; tổ chức 04 cuộc diễn tập PCTT và TKCN quy mô cấp tỉnh, 1.807 cuộc diễn tập PCTT và TKCN cấp huyện, cấp xã; tổ chức 5.985 hội nghị tuyên truyền cho cán bộ, người dân, cộng đồng về công tác phòng, chống thiên tai và có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai; cấp phát trên 5.000 tờ rơi, tờ gấp pháp luật, bản tin thiên tai; xây dựng 625 tin, bài, chuyên mục phát thanh, truyền hình; 18.000 tin, bài, chuyên mục trên các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Mặc dù công tác thông tin, truyền thông về phòng, chống thiên tai trong những năm vừa qua đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ; tuy nhiên, do đặc điểm về địa hình, số lượng đồng bào dân tộc thiểu số lớn, đội tàu cá hoạt động trên biển nhiều nên có lúc công tác thông tin, tuyên truyền chưa được kịp thời, chưa đến được đa số người dân. Ngoài ra, chính quyền tại một số địa phương chưa quan tâm đúng mức tới công tác thông tin, tuyên truyền, chậm đổi mới về hình thức, nội dung, dẫn đến một số nơi hiệu quả thông tin, tuyên truyền vẫn chưa thực sự tốt.

7. Năng lực và nhận thức của cộng đồng về phòng, chống thiên tai

Hàng năm, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đều triển khai đầy đủ mọi mặt của công tác phòng, chống thiên tai đến các cấp, các ngành, đồng thời thường xuyên rà soát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện tại các đơn vị. Với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, sự quyết tâm, vào cuộc mạnh mẽ của các cấp, các ngành, sự đồng lòng, hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân, năng lực phòng, chống thiên tai của các sở, ban, ngành, địa phương đã có những bước phát triển rõ rệt.

Thông qua các hoạt động đào tạo, tập huấn, diễn tập, truyền thông hàng năm, nhất là hoạt động của Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; cán bộ, người dân có các hoạt động tích cực trong công tác phòng, chống thiên tai; các kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai ở cơ sở được chú trọng rà soát, cập nhật; công tác chuẩn bị phòng, chống thiên tai được tổ chức thực hiện theo phương châm “4 tại chỗ”. Người

dân tại khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai đã chủ động dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm; mua sắm trang thiết bị (áo phao, thuyền,...) ứng phó thiên tai; sửa chữa, xây dựng nhà mới đảm bảo an toàn trước thiên tai.

Tuy nhiên, do đặc điểm tự nhiên, giáp biển, có đường biên giới với nước bạn Lào; có 3/4 diện tích là khu vực miền núi với nhiều địa bàn vùng sâu, vùng xa; lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai của tỉnh chủ yếu làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, chưa được đào tạo, tập huấn bài bản, chuyên sâu; nguồn kinh phí cho các hoạt động tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, năng lực, kỹ năng của cộng đồng còn hạn hẹp,...; vì vậy nhận thức, năng lực, kỹ năng trong công tác phòng, chống thiên tai của một bộ phận cộng đồng còn hạn chế.

8. Cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai

- Đối với cơ sở hạ tầng nói chung: Do đặc điểm vị trí địa lý, với 102 km bờ biển, 3/4 diện tích là vùng miền núi, hàng năm chịu tác động của rất nhiều loại hình thiên tai, đây là yếu tố bất lợi đối với hệ thống cơ sở hạ tầng, trong khi nguồn lực còn hạn hẹp nên tại một số địa bàn trọng điểm về công tác phòng, chống thiên tai (vùng miền núi và ven biển), cơ sở hạ tầng của một số ngành, địa phương vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phòng, chống thiên tai.

- Đối với cơ sở hạ tầng các công trình phòng, chống thiên tai: Được sự quan tâm của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các Bộ, ngành Trung ương, cùng với nguồn lực của tỉnh, trong những năm vừa qua tỉnh đã tập trung đầu tư tu bổ, sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới cho cơ sở hạ tầng các công trình phòng, chống thiên tai. Tuy nhiên, Thanh Hóa là địa phương có hệ thống công trình phòng, chống thiên tai tương đối lớn (1.008 km đê, 610 hồ chứa,...) đã xây dựng từ lâu nên hiện nay nhiều công trình đã xuống cấp, hư hỏng nghiêm trọng (năm 2026, đã xác định được 44 trọng điểm xung yếu về đê điều, 58 hồ chứa mất an toàn).

9. Thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội

Tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện tích hợp phương án Quy hoạch phát triển Thủy lợi và phòng, chống thiên tai vào Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023). Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) đã tham mưu cho UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và hằng năm của tỉnh; trong đó, đã xác định việc thực hiện đồng bộ các biện pháp để ứng phó với biến đổi khí hậu và lồng ghép các nội dung phòng, chống thiên tai; đồng thời hướng dẫn các địa phương và các ngành thực hiện việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

10. Công tác phục hồi, tái thiết sau thiên tai

Ngay sau khi kết thúc các đợt thiên tai, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành kiểm tra, rà soát, thống kê, đánh giá thiệt hại theo đúng quy định; xác định ưu tiên và xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực tại địa phương để khôi phục, tái thiết nhằm sớm ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân; trường hợp nhu cầu vượt quá khả năng của địa phương, Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin hỗ trợ.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể, các địa phương đã khẩn trương triển khai ngay công tác khắc phục hậu quả thiên tai, đặc biệt là sự tham gia của các lực lượng vũ trang, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, Đoàn Thanh niên, Hội Chữ thập đỏ tỉnh; công tác khắc phục sự cố về đê điều, giao thông, công trình phòng, chống thiên tai, cơ sở hạ tầng, cấp phát hàng cứu trợ được triển khai nhanh chóng, kịp thời, sớm ổn định cuộc sống người dân.

Trong những năm vừa qua, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa cơ bản đã thực hiện rất tốt các nguyên tắc, trách nhiệm, quy định về công tác khắc phục hậu quả thiên tai; trong đó các địa phương, đơn vị đã chủ động sử dụng nguồn lực tại chỗ để tiến hành khắc phục hậu quả thiên tai. Trong các đợt thiên tai lớn, dài ngày gây thiệt hại lớn, tỉnh đã chủ động bố trí nguồn dự phòng ngân sách, Quỹ phòng, chống thiên tai, kinh phí từ nguồn vận động, cứu trợ và các nguồn lực hợp pháp khác để tiến hành ngay công tác khắc phục hậu quả thiên tai, nhất là đảm bảo ngay về cuộc sống, an sinh xã hội cho Nhân dân. Đồng thời, được sự quan tâm từ Trung ương, tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành phân bổ, sử dụng các nguồn lực Trung ương hỗ trợ đảm bảo hiệu quả, đúng nguyên tắc, tiêu chí. Tuy nhiên, do nguồn lực của địa phương và kinh phí hỗ trợ của Trung ương còn hạn hẹp nên còn nhiều công trình phòng, chống thiên tai, nhiều vị trí xung yếu mới chỉ được khắc phục tạm thời, chưa có điều kiện để xây dựng mới tốt hơn.

11. Nguồn lực tài chính thực hiện công tác phòng, chống thiên tai

Được sự quan tâm của Trung ương, cùng với nguồn lực của tỉnh, trong những năm vừa qua đã ưu tiên bố trí kinh phí từ nhiều nguồn (ngân sách nhà nước, vốn ODA, vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, Quỹ Phòng, chống thiên tai,...) cho hoạt động phòng, chống thiên tai. Tuy nhiên, Thanh Hóa là địa phương có hệ thống công trình phòng, chống thiên tai tương đối lớn, đã xây dựng từ lâu, nhiều công trình xuống cấp, hư hỏng nghiêm trọng và còn nhiều công trình trọng điểm, xung yếu; mặt khác, những năm gần đây Thanh Hóa liên tục chịu ảnh hưởng của các trận thiên tai lớn, thiệt hại nặng nề, trong khi nguồn lực của tỉnh và hỗ trợ của Trung ương còn hạn hẹp nên chưa đáp ứng được nhu cầu kinh phí để khắc phục hậu quả, ổn định đời sống, khôi phục sản xuất cho nhân dân. Trong giai đoạn 2021-2025, bằng nhiều nguồn vốn, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã được bố trí 10.172 tỷ đồng được thực hiện các nhiệm vụ về công tác phòng, chống thiên tai.

II. CÁC LOẠI HÌNH VÀ CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI THƯỜNG GẶP

1. Về bão, áp thấp nhiệt đới: Mùa mưa bão ở Thanh Hóa thường kéo dài từ tháng 5 đến hết tháng 10. Theo thống kê trong 52 năm trở lại đây, Thanh Hóa đã phải chịu ảnh hưởng trực tiếp của 59 cơn bão và áp thấp nhiệt đới, trong đó có 27 năm bão đổ bộ trực tiếp, tính bình quân mỗi năm có 1 cơn bão đổ bộ hoặc ảnh hưởng với sức gió mạnh từ cấp 8 đến cấp 11, cá biệt có những cơn bão mạnh cấp 12, trên cấp 12 như: cơn bão số 8 ngày 14/9/1973, cơn bão số 6 ngày 20/9/1975, cơn bão số 6 ngày 16/9/1980, cơn bão số 6 ngày 23/7/1989 và cơn bão số 7 đổ bộ trực tiếp vào Thanh Hóa ngày 27/9/2005; năm 2025, tỉnh Thanh Hóa chịu ảnh hưởng của 07 cơn bão.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do bão, áp thấp nhiệt đới: Cấp 3.

2. Mưa lớn: Tổng lượng mưa bình quân hàng năm từ 1.800-2.000 mm, có năm mưa lớn đến 2.200 mm; mưa phân bố không đều, thường tập trung chủ yếu vào các tháng 8, 9, 10, lớn nhất vào tháng 8, tháng 9 chiếm 60-65% lượng mưa năm, có năm chiếm 73% (năm 1963, toàn tỉnh mưa 3.000 mm, năm 1976 chỉ mưa 1.045 mm, năm 1964 ở Trạm Tĩnh Gia mưa 3.442 mm, năm 1977 chỉ mưa 977mm). Biến động lượng mưa khá lớn, năm 1994 tại Trạm Cửa Đạt mưa 3.367 mm, gấp 1,8 lần lượng mưa trung bình nhiều năm; tại Trạm Bái Thượng mưa 3.133 mm, gấp 1,62 lần lượng mưa trung bình nhiều năm. Mưa là nguyên nhân chính gây lũ lụt trên các sông và ngập úng các diện tích nội đồng.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do mưa lớn: Cấp 2, 3.

3. Lũ, ngập lụt: Do vị trí địa lý, địa hình nên diễn biến của lũ trên các sông cũng có những đặc điểm riêng, trên sông Mã thường xuất hiện lũ sớm hơn sông Chu (lũ sông Mã thường xuất hiện từ tháng 6 đến tháng 10, lũ sông Chu từ tháng 7 đến tháng 11). Thống kê trong 43 năm trở lại đây, tần suất lũ trên báo động III ở sông Chu có 12 năm; trên sông Mã có 11 năm; trên sông Bưởi có 21 năm. Thời gian xuất hiện một cơn lũ khoảng từ 7 đến 10 ngày, lũ lên nhanh và xuống cũng nhanh. Ngoài quy luật phổ biến nói trên, có năm lũ diễn biến bất thường, sớm hoặc muộn hoặc đồng thời xảy ra lũ lớn trên tất cả các hệ thống sông, như trận lũ tháng 10/2007, tháng 10/2017, tháng 9/2024. Nhất là trận lũ do bão số 10 năm 2025 và mưa lũ sau bão gây ra, mực nước đỉnh lũ trên sông Mã tại Trạm Thủy văn Cẩm Thủy vượt lũ lịch sử năm 2007 là 0,38 m; trên sông Yên tại Trạm Thủy văn Chuối vượt lũ lịch sử năm 1978 là 0,45 m; trên sông Bưởi tại Trạm Thủy văn Kim Tân đạt (+14,33) m vượt lũ lịch sử năm 2007 là 0,08 m.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do lũ, ngập lụt: Cấp 2.

4. Lũ quét và sạt lở đất: Đặc điểm miền núi Thanh Hóa có địa hình dốc, đồi núi cao xen kẽ giữa sông, suối, hồ đập, là khu vực hội tụ của nhiều trận mưa lớn hàng năm; đặc biệt có 1 số vùng tiểu khí hậu gây mưa đột xuất rất lớn như ở các vùng Bái Thượng, Cửa Đạt, Bát Mọt, Lang Chánh,... đây là những vùng thường xuyên xảy ra những trận mưa lớn trong một thời đoạn ngắn nên dễ gây ra lũ quét và sạt lở đất. Trong những năm gần đây, lũ quét, sạt lở đất xảy ra ngày càng nhiều, gây tổn thất rất nghiêm trọng về người, tài sản, công trình hạ tầng và

phá hoại môi trường sinh thái, nhất là đợt mưa lớn từ ngày 28-31/8/2018 gây lũ quét, sạt lở đất nghiêm trọng nhất trong hàng chục năm qua làm 10 người chết, 2 người mất tích, 287 nhà bị thiệt hại hoàn toàn, 807 nhà phải di dời khẩn cấp...; đợt mưa, lũ do ảnh hưởng của bão số 3 năm 2019 gây ra lũ quét, sạt lở đất trên địa bàn các xã vùng núi cao; riêng tại bản Sa Ná, xã Na Mèo đã xảy ra lũ quét, sạt lở đất nghiêm trọng làm 11 người chết, 2 người mất tích và 5 người bị thương, 113 nhà bị thiệt hại, 10 điểm trường và 2 nhà văn hóa bị hư hỏng, sập đổ; 134 ha lúa, 1.398 ha cây trồng hàng năm bị thiệt hại, Năm 2024, trên địa bàn tỉnh ghi nhận 01 trận lũ quét vào ngày 24/5 tại huyện Quan Sơn cũ; nhiều vị trí taluy đường giao thông sạt lở với khối lượng khoảng 606.336 m³ đất, đá. Năm 2025, nhiều vị trí taluy đường giao thông sạt lở với khối lượng khoảng 762.589 m³ đất, đá.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do lũ quét, sạt lở đất: Cấp 1, 2.

5. Lốc, sét, mưa đá: Đây là các loại hình thiên tai thường xuyên xuất hiện ở Thanh Hóa, với tính chất bất ngờ nên thường gây ra thiệt hại đáng kể cho nhân dân trong tỉnh; hầu như năm nào ở các địa phương miền núi và trung du của tỉnh cũng xuất hiện gió lốc và mưa đá.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do lốc, sét, mưa đá: Cấp 1.

6. Hạn hán, xâm nhập mặn: Do mưa có biến động lớn, lượng mưa không nhiều, mùa mưa đến muộn và kết thúc sớm nên thường xảy ra khô hạn thiếu nước trong vụ Đông Xuân cũng như vụ Hè Thu. Thiệt hại do hạn hán gây ra thường đứng sau thiệt hại do bão, lũ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và áp lực cung cấp điện. Hạn hán thường xảy ra ở tất cả các địa phương trong tỉnh, cụ thể trong một số năm gần đây như sau:

- Năm 2021: Diện tích bị ảnh hưởng bởi hạn và thiếu nước là 1.405 ha (615,4 ha lúa, 789,6 ha cây trồng khác), trong đó diện tích lúa mất trắng là 6 ha.
- Năm 2022: Diện tích bị ảnh hưởng bởi hạn và thiếu nước là 45,3 ha (hoa màu, rau màu).
- Năm 2023: Diện tích bị ảnh hưởng bởi hạn và thiếu nước là 155 ha (lúa).
- Năm 2024: Diện tích bị ảnh hưởng bởi hạn và thiếu nước là 4.204 ha (lúa, rau màu).
- Năm 2025: Diện tích bị ảnh hưởng bởi hạn và thiếu nước là 1.990 ha (lúa, rau màu).

Trong những năm gần đây, xâm nhập mặn vùng cửa sông ven biển thường xuyên xảy ra, một số tuyến sông có độ mặn xâm nhập đạt mức cao nhất lịch sử:

- Trên sông Mã: Độ mặn 1‰ có khả năng xâm nhập vào cửa sông tới 24km, độ mặn lớn nhất đo tại Trạm thủy văn Giàng phổ biến nhỏ hơn 1‰, độ mặn lớn nhất đo được là 6,1‰ (năm 2010). Từ năm 2017 đến nay, độ mặn đều nhỏ hơn 1‰.

- Trên sông Lèn: Độ mặn 1‰ có khả năng xâm nhập vào cửa sông lên tới 18 km, độ mặn lớn nhất đo tại Yên Ổn (cách cửa biển 13 km) phổ biến ở mức 0,2-4‰, độ mặn lớn nhất đo được là 17,8‰ (năm 2010), giá trị cao nhất từ trước đến nay.

- Trên sông Lạch Trường: Độ mặn 1‰ đã xâm nhập trên toàn tuyến, độ mặn lớn nhất đo tại trạm cầu Tào là 9,4‰ (năm 2010).

- Trên hệ thống sông Yên: Trên dòng chính sông Yên tại Bến Mắm (khoảng cách tới cửa biển 25 km), độ mặn lớn nhất từ năm 1999 đến 2009 là 2,5‰, năm 2010 độ mặn lớn nhất lên tới 3,3‰, cao nhất từ trước đến nay; theo chiều dọc sông, độ mặn đã xâm nhập vào gần Trạm thủy văn Chuối cách cửa biển 40 km; năm 2016 độ mặn đo được là 2,3‰.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do hạn hán: Cấp 1, 2.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do xâm nhập mặn: Cấp 1.

7. Rét hại, sương muối, sương mù: Rét đậm, rét hại thường hay xảy ra ở khu vực Thanh Hóa vào các tháng chính đông (tháng 12 năm trước và tháng 1, tháng 2 năm sau) có thể gây ra sương muối và ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp và vật nuôi.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do rét hại, sương muối, sương mù: Cấp 1.

8. Bản đồ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh

Các bản đồ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh được đăng tải tại Cổng Thông tin điện tử về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh, nền tảng google drive, địa chỉ cụ thể truy cập để khai thác và sử dụng:

<https://pctt.thanhhoa.gov.vn/NewsDetail.aspx?Id=7680>

https://drive.google.com/drive/folders/1JblkQ_ACCXTeeZt_7rndPYrUBqy6WD4Z?usp=sharing

<https://1drv.ms/f/c/d098c635aef9e358/IgCekHZSdJPzSlus1qk-WJyAbgNPfvrB7QbqQb3o8aID1U?e=uuGjRi>

III. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Nhiệm vụ và giải pháp tổng thể

- Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, các quy định có liên quan trong công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, trong đó tập trung vào các nội dung sau: **(1)** rà soát, đánh giá toàn diện các cơ chế, chính sách, quy hoạch, quy định,... có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai để đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện; đồng thời khẩn trương triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh sau khi được các cơ quan Trung ương thể chế hóa, hoàn thiện và ban hành; **(2)** rà soát, tham mưu điều chỉnh các quy hoạch có liên quan, trong đó phải đặt yêu cầu phòng, chống thiên tai ở vị trí quan trọng; **(3)** chủ động xây dựng, rà soát, bổ sung, điều chỉnh các kế hoạch, phương án, cơ chế, chính sách của tỉnh về công tác phòng, chống thiên tai; **(4)** đẩy mạnh việc lồng ghép nội dung yêu cầu phòng, chống thiên tai vào quy

hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội; (5) rà soát, nghiên cứu điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, thủy lợi thuộc thẩm quyền của tỉnh.

- Phân công, phân cấp, nâng cao năng lực, trách nhiệm của các ngành, địa phương và lực lượng làm công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, trong đó tập trung vào các nội dung sau: (1) phân định rõ, thống nhất thẩm quyền và trách nhiệm của chính quyền cấp tỉnh, cấp xã, các sở, ngành, đơn vị liên quan trong công tác phòng, chống thiên tai; (2) củng cố, kiện toàn cơ quan chỉ đạo điều hành, tham mưu về phòng, chống thiên tai các cấp; (3) trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương và các quy định hiện hành, tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác phòng, chống thiên tai; (4) củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã; (5) đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên sâu cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai, cứu nạn, cứu hộ chuyên trách và các lực lượng tại chỗ ở địa phương; (6) tổ chức xây dựng và diễn tập các kịch bản phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; (7) triển khai có hiệu quả Đề án “Nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự cho lực lượng Bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ, Dự bị động viên tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030”.

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo, theo dõi, giám sát thiên tai, giảm thiểu thiệt hại, trong đó tập trung vào các nội dung: (1) tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao toàn diện năng lực thích ứng, phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; (2) tăng cường đầu tư nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chuyên sâu đối với các loại hình thiên tai thường xuyên, có nguy cơ cao xảy ra trên địa bàn tỉnh; (3) rà soát, ban hành các chính sách của tỉnh để thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo, theo dõi, giám sát thiên tai, giảm thiểu thiệt hại, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ viễn thám, ảnh vệ tinh, máy bay không người lái (UAV), mô hình trí tuệ nhân tạo (AI) và khoa học máy tính phân tích dữ liệu lớn trong dự báo, cảnh báo, theo dõi, giám sát thiên tai; (4) đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo, bồi dưỡng thu hút đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia nghiên cứu, thực hiện, tư vấn về phòng, chống thiên tai; (5) khuyến khích doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh nghiên cứu đầu tư phát triển khoa học, công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả cho công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, trong đó tập trung vào các nội dung: (1) huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các quỹ, nguồn viện trợ, tài trợ hợp pháp và sự tham gia đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân cho công tác phòng, chống thiên tai; (2) rà soát, đa dạng hóa các nguồn lực, ưu tiên nguồn lực trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và nguồn dự phòng ngân sách hằng năm để tổ

chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, chương trình tổng thể, dự án trọng điểm về phòng, chống thiên tai; đề xuất các giải pháp đồng bộ, đa mục tiêu theo hướng hiện đại, thông minh, đủ khả năng chống chịu trước thiên tai.

- **Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, kỹ năng về công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, trong đó tập trung vào các nội dung:** (1) đổi mới, đa dạng hóa về nội dung, hình thức và phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số và các nền tảng mạng xã hội; (2) chú trọng nâng cao kiến thức, năng lực, kỹ năng tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, tổ chức việc phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai cho cán bộ, đảng viên nhất là ở các thôn bản vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai; (3) tập huấn tăng cường kỹ năng nhận diện, đánh giá và cảnh báo sớm rủi ro thiên tai; hướng dẫn cộng đồng các quy trình, biện pháp ứng phó trong tình huống khẩn cấp, sơ tán an toàn, bảo vệ tính mạng và tài sản, bảo đảm an ninh, trật tự, nâng cao khả năng phối hợp, tự quản và chủ động ứng phó của cộng đồng.

- **Đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập và tăng cường hợp tác quốc tế, trong đó tập trung vào các nội dung:** (1) tăng cường công tác hợp tác quốc tế trong phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai thông qua việc thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ hợp tác với các quốc gia, đối tác, tổ chức quốc tế; đẩy mạnh trao đổi, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, mô hình quản lý, giải pháp kỹ thuật và nguồn lực hỗ trợ, góp phần nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, phòng ngừa, ứng phó và phục hồi sau thiên tai trên địa bàn tỉnh; (2) tích cực nghiên cứu, tiếp thu và tham gia các sáng kiến, chương trình, cam kết quốc tế về phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; (3) quản lý, sử dụng hiệu quả, đúng quy định các nguồn lực do các đối tác, tổ chức quốc tế tài trợ, hỗ trợ, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích, phát huy tối đa hiệu quả đầu tư trong công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

- **Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, trong đó tập trung vào các nội dung:** (1) tăng cường thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai; (2) nâng cao hiệu quả giám sát việc xây dựng và thực hiện kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai; việc quản lý, vận hành công trình phòng, chống thiên tai, bảo đảm an toàn cho Nhân dân; (3) gắn công tác kiểm tra, giám sát với trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương và người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

(Nhiệm vụ và giải pháp tổng thể nêu trên đã được UBND tỉnh chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan tại Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 08/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

2. Nội dung, biện pháp phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả đối với các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn tỉnh

2.1. Công tác phòng ngừa thiên tai

2.1.1. Đối với Bão và Áp thấp nhiệt đới

a) Giải pháp phi công trình

- Nghiên cứu, sử dụng có hiệu quả bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai do bão, áp thấp nhiệt đới và nước dâng do bão tỉnh Thanh Hóa để xây dựng các phương án ứng phó phù hợp (*bản đồ do Cục Khí tượng thủy văn cung cấp, đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi cho các địa phương, đơn vị tại Công văn số 8922/SNNMT-TL ngày 05/6/2026*).

- Tăng cường khả năng cảnh báo sớm để người dân có thời gian chuẩn bị ứng phó, đặc biệt dự báo bão, áp thấp nhiệt đới khi vào gần bờ, trên đất liền.

- Rà soát, thống kê, lập phương án sơ tán dân khỏi vùng có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới, nhất là khu vực ven biển (*trong năm 2026 có 37.545 hộ/156.050 nhân khẩu sinh sống tại khu vực ven biển có nguy cơ bị ảnh hưởng khi có bão, áp thấp nhiệt đới; các năm tiếp theo cần tiếp tục rà soát, thống kê, lập phương án sơ tán dân đối với khu vực này*).

- Trồng, quản lý, bảo vệ các rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển; trong đó trọng tâm là chăm sóc, quản lý, bảo vệ tốt cho 874,46 ha rừng ngập mặn ven biển; tiếp tục nghiên cứu các vị trí phù hợp để phát triển diện tích rừng ngập mặn ven biển của tỉnh.

b) Giải pháp công trình

- Xây dựng nhà ở, công trình an toàn chống gió lớn, gió giật; trong đó trọng tâm là các khu vực đông dân cư ven biển, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch trọng điểm của tỉnh.

- Xây dựng các nhà tránh trú, cộng đồng an toàn; trong đó chú trọng đến công tác sửa chữa, cải tạo, kết hợp sử dụng các công sở, nhà văn hóa, trường học,... làm nơi sơ tán tập trung khi có thiên tai xảy ra.

- Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư cải tạo, nâng cấp xây mới các khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão.

- Đầu tư xây dựng hệ thống đê, kè biển đảm bảo theo tiêu chuẩn thiết kế. Trong giai đoạn 2026-2030, tập trung xử lý các vị trí sạt lở bờ biển tại các địa phương như: Xã Hoằng Tiến, xã Hoằng Thanh, phường Nam Sầm Sơn.

2.1.2. Đối với mưa lớn, lũ, ngập lụt, nước dâng

a) Giải pháp phi công trình

- Vận hành hồ chứa xả lũ theo quy trình đảm bảo an toàn cho hạ du và công trình; trong đó trọng tâm là vận quy trình liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã và các hồ chứa thủy lợi lớn của tỉnh như hồ Yên Mỹ, hồ sông Mực, hồ Đồng

Chùa,... Tiếp tục rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy trình vận hành liên hồ, đơn hồ chứa đảm bảo phù hợp tình hình thực tế.

- Nghiên cứu, sử dụng có hiệu quả bản đồ rủi ro lũ lụt hạ du các hồ chứa, vùng trũng, vùng ven sông, ven biển tương ứng với các kịch bản lũ lụt khác nhau để xây dựng các phương án ứng phó phù hợp (các bản đồ đã được gửi cho các địa phương, đơn vị và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh tại địa chỉ pctt.thanhhoa.gov.vn).

- Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo sớm cho khu vực nguy hiểm, thường xuyên chịu ảnh hưởng của mưa lớn, lũ, ngập lụt, nước dâng.

- Đối với khu vực dân cư, tăng cường khả năng tiêu thoát nước của hệ thống bằng cách nâng tần suất tính toán mưa tiêu thiết kế; tính toán năng lực tiêu của hệ thống tiêu hiện tại khi mở rộng khu đô thị hay giảm diện tích hồ điều hòa, san lấp các khu vực ngập nước.

- Quản lý chặt chẽ rừng đầu nguồn (*trong đó trọng tâm là quản lý, bảo vệ tốt cho 154.446,66 ha rừng đầu nguồn hiện có*) và các hồ chứa thượng nguồn, không làm mất cân bằng bùn cát trong quá trình thi công và vận hành.

- Tổ chức vận hành tốt các hệ thống giám sát đối với các hồ chứa đã được lắp đặt; tiếp tục xây dựng hệ thống kiểm tra, đo đạc, giám sát an toàn đối với các hồ chứa còn lại của tỉnh theo quy định.

- Trong giai đoạn 2026-2030, tập trung đầu tư để xây dựng quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc địa bàn tỉnh Thanh Hóa chưa được quy định trong Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ, xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Rà soát, thống kê, lập phương án sơ tán, di dời dân khỏi vùng có nguy cơ cao xảy ra lũ, ngập lụt, nước dâng (*trong năm 2026 có 64.758 hộ/231.767 nhân khẩu sinh sống tại khu vực ven sông, bãi sông, vùng trũng thấp có nguy cơ bị ảnh hưởng khi có lũ, ngập lụt; các năm tiếp theo cần tiếp tục rà soát, thống kê, lập phương án sơ tán dân đối với khu vực này*).

b) Giải pháp công trình

- Bố trí các khu vực phân lũ, chậm lũ, chủ động làm giảm cường độ lũ xuống hạ du; trong đó trên địa bàn tỉnh đặc biệt quan tâm đến khu vực phân lũ qua đê bao Thạch Định thuộc xã Kim Tân.

- Nâng cao cốt nền xây dựng: Dựa vào trận lũ lịch sử đã xảy ra trong khu vực để tính toán chiều cao của cốt nền xây dựng.

- Khơi thông dòng chảy đảm bảo thoát lũ; trong giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh sẽ tập trung thực hiện các dự án nhằm nâng cao khả năng tiêu thoát lũ như: Dự án tiêu úng vùng III Nông Cống (giai đoạn 2); dự án tiêu Bắc Thanh Hóa; hệ thống tiêu chính Cầu Mư, xã Tây Đô; nạo vét kênh tiêu thoát nước từ hồ Cầu Mùn đến cầu Đá Bàn, xã Vân Du;...

- Xây dựng các công trình cầu cứng qua các suối, khu vực ngập sâu, thay thế các tràn. Trong giai đoạn 2026-2028 sẽ khởi công xây dựng mới 30 cầu dân sinh nhằm đảm bảo giao thông thông suốt và kết nối các khu vực dân cư thường xuyên bị chia cắt khi có thiên tai, mưa lũ trên địa bàn các xã miền núi của tỉnh.

- Đầu tư tu bổ, nâng cấp các công trình đê điều, thủy lợi đảm bảo tần suất chống lũ thiết kế và vận hành an toàn. Trong giai đoạn 2026-2030 tiếp tục đầu tư tu bổ, nâng cấp các vị trí xung yếu trên tuyến đê sông Mã, sông Chu, sông Yên, sông Nhơ, sông Hoàng, sông Cầu Chày,... Xây dựng các trạm bơm tiêu, cống tiêu như Quảng Châu, Nội Hà, An Thái, Ngọc Quang,...

- Đầu tư xử lý các khu vực thường xuyên xảy ra ngập lụt, ngập úng cục bộ tại phường Hạc Thành như: Ngã tư Bưu điện tỉnh, các đường Hàn Thuyên, Lê Quý Đôn, Dương Đình Nghệ, Hải Thượng Lãn Ông, nạo vét kênh tiêu Mật Sơn; các khu vực ngập úng tại các phường Tân Sơn, Đông Vệ, Phú Sơn, Quảng Thành thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ).

2.1.3. Đối với lũ quét, sạt lở đất

a) Giải pháp phi công trình

- Nghiên cứu, sử dụng có hiệu quả bản đồ đánh giá rủi ro để xác định các vị trí có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất nhằm xây dựng các phương án ứng phó phù hợp (*bản đồ do Cục Khí tượng thủy văn cung cấp, đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi cho các địa phương, đơn vị tại Công văn số 8922/SNNMT-TL ngày 05/6/2026*).

- Tăng cường công tác dự báo mưa: Bổ sung các trạm đo mưa, tăng độ chính xác của bản tin dự báo mưa; sử dụng công nghệ tiên tiến để cảnh báo sớm.

- Thực hiện tốt công tác thông tin, truyền tin, cảnh báo sớm đến người dân; tổ chức cấm các biện hiệu cảnh báo khu vực nguy hiểm.

- Tiến hành quy hoạch sử dụng đất để phục vụ công tác di dời người dân, trồng rừng, phát triển nông nghiệp, bố trí dân cư an toàn gắn với sinh kế bền vững.

- Tăng cường nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng cho người dân để phòng tránh, giảm thiểu.

- Rà soát, thống kê, lập phương án sơ tán, di dời dân khỏi vùng có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất, lũ quét (*trong năm 2026 có 9.053 hộ/38.245 nhân khẩu sinh sống tại khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất; các năm tiếp theo cần tiếp tục rà soát, thống kê, lập phương án sơ tán dân đối với khu vực này*).

b) Giải pháp công trình

- Đối với các khu có mật độ dân cư cao, các công trình lịch sử, hạ tầng cơ sở quan trọng có thể được bảo vệ bằng hệ thống tường kè bao kết hợp các rãnh thoát nước.

- Lắp đặt các hệ thống cảnh báo, đo đạc, ống thu nước ngầm tại các khu vực có nguy cơ cao về lũ quét, sạt lở đất.

- Trong giai đoạn 2026 - 2030, triển khai khẩn trương, hiệu quả Đề án “Sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất tại các xã khu vực miền núi của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030” đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 20/01/2026; mục tiêu đến năm 2030 sẽ bố trí sắp xếp ổn định cho 2.758 hộ dân thuộc 47 xã miền núi của tỉnh (trong đó xây dựng 64 khu Tái định cư tập trung).

2.1.4. Đối với hạn hán, xâm nhập mặn

a) Giải pháp phi công trình

- Tăng cường công tác dự báo dài hạn để có các phương án phòng tránh: có biện pháp an toàn cho người và vật nuôi; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

- Tổ chức quản lý và vận hành tốt các công trình chống hạn, chống xâm nhập mặn, nhất là các hồ chứa, cống ngăn triều, hệ thống thủy lợi sông Lèn,...

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước và các phương pháp tưới tiết kiệm, khoa học, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí nguồn nước; vận động người dân sử dụng nước tiết kiệm, hợp lý, nhất là trong giai đoạn cao điểm mùa khô; đồng thời để người dân chủ động dự trữ nước sinh hoạt.

- Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí, trữ nước vào các ao, hồ, kênh mương, các trục kênh tiêu,...; điều hòa phân phối nước hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và có kế hoạch cụ thể, tránh tình trạng tranh chấp nước trên hệ thống, không để hiện tượng thất thoát nước hoặc lấy nước tràn lan gây lãng phí.

- Tích cực bảo vệ rừng đầu nguồn, trồng rừng để tăng khả năng che phủ, tăng khả năng điều tiết nước tự nhiên, góp phần bảo vệ an ninh nguồn nước bền vững.

- Tăng cường đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ tiên tiến, từng bước chuyển đổi số để chủ động trong quản lý, khai thác, sử dụng nước hiệu quả, tiết kiệm.

b) Giải pháp công trình

- Thực hiện các biện pháp dự trữ nước ngọt: xây dựng bể trữ, giếng.... hoặc phương án khai thác nguồn nước khác như xây dựng đập tạm (căn cứ tình hình thực tế để quyết định đắp các đập tạm trên sông Mã, sông Càn và các sông, kênh khác nhằm dâng cao đầu nước, phục vụ các trạm bơm tưới).

- Làm tốt công tác duy tu, bảo dưỡng công trình, máy móc, thiết bị; tăng cường công tác làm thủy lợi mùa khô, phát dọn, tiếp tục nạo vét kênh mương tưới và trục tiêu đảm bảo dẫn, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và phòng, chống hạn hán.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống công trình thủy lợi cấp, giữ ngọt, các công ngăn triều, xâm nhập mặn; trong đó cần đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các hồ, đập để đảm bảo khả năng trữ nước.

- Xây dựng hệ thống tưới tự động, tưới tiết kiệm nước.
- Trong giai đoạn 2026-2030, trên địa bàn tỉnh tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống thủy lợi, nghiên cứu tiếp tục xây dựng các công trình ngăn mặn, giữ ngọt tại các cửa sông lớn, cụ thể: Hiện đại hóa hệ thống cấp nước Bái Thượng; xây dựng mới Trạm bơm Hà Vinh; kênh tiêu T2, xã Tổng Sơn; cơ sở hạ tầng nước có khả năng chống chịu khí hậu và toàn diện cho các hộ sản xuất nhỏ ở nông thôn tỉnh Thanh Hóa (Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế của Liên Hợp Quốc (IFAD) và Quỹ Thích ứng (AF)); nghiên cứu tiếp tục xây dựng các công trình ngăn mặn, giữ ngọt tại cửa sông Mã, sông Lạch Trường,...

2.1.5. Đối với lốc, sét, mưa đá

a) Giải pháp phi công trình: Tăng cường công tác dự báo, cảnh báo đối với lốc, sét, mưa đá, nhất là cảnh báo sớm để người dân có thời gian chuẩn bị phòng tránh. Đẩy mạnh hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng để phòng tránh và lựa chọn mô hình, vật liệu nhà an toàn.

b) Giải pháp công trình

- Tiếp tục đầu tư hệ thống quan trắc, dự báo, cảnh báo, nhất là cảnh báo sớm.
- Xây dựng hệ thống thu sét cho các công trình, nhà ở đảm bảo an toàn.
- Xây dựng các công trình, nhà ở an toàn chống lốc, mưa đá.

2.2. Công tác ứng phó thiên tai

Để ứng phó hiệu quả với thiên tai, các địa phương, đơn vị cần xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai và Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai tại Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh. Theo đó, một số biện pháp chung để ứng phó với các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn tỉnh như sau:

- Tuyên truyền, thông báo trên các phương tiện phát thanh, truyền hình về dự báo, cảnh báo thời gian có khả năng xuất hiện thiên tai, thời tiết nguy hiểm để các đơn vị và nhân dân biết, chủ động ứng phó. Chuẩn bị đầy đủ thiết bị, vật tư, tổ chức các xe thông tin cơ động vô tuyến sóng ngắn, xe lưu động phát sóng thông tin di động, điện thoại vệ tinh, các đội thông tin hỏa tốc,... phục vụ công tác phòng, chống thiên tai khi mạng điện thoại cố định và di động gặp sự cố.

- Tổ chức cắt tỉa cành cây, chằng chống nhà cửa, chuồng trại, các công trình khác (đối với bão, áp thấp nhiệt đới). Kịp thời huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ sơ tán dân sinh sống ở các khu vực nguy hiểm, vùng ven biển, vùng có nguy cơ ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất và các khu vực khác bị ảnh hưởng của thiên tai đến nơi an toàn.

- Hướng dẫn, giúp đỡ nhân dân thu hoạch sớm hoa màu, lúa, thủy sản để giảm thiểu thiệt hại. Chủ động thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất (tiêu nước đê, gia cố bờ bao,...).

- Tổ chức ứng phó trên biển, ven biển (đối với bão, áp thấp nhiệt đới): kêu gọi, kiểm đếm, sắp xếp tàu thuyền; kiên quyết không để lại người trên các chòi canh, lồng bè, tàu thuyền khi bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ.

- Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm trên sông, trên biển, khu vực và tuyến đường bị ngập sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa, lũ hoặc dòng chảy và khu vực nguy hiểm khác.

- Tuần tra, canh gác, kịp thời phát hiện các sự cố công trình đê điều, hồ đập, phòng, chống thiên tai, giao thông... và khẩn trương xử lý các sự cố công trình theo phương châm “4 tại chỗ” đảm bảo an toàn.

- Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và tại địa điểm sơ tán.

- Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai.

- Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai.

2.3. Công tác khắc phục hậu quả

a) Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu gồm:

- Lực lượng cứu hộ, cứu nạn, y tế tổ chức cấp cứu kịp thời người gặp nguy hiểm về tính mạng, tìm kiếm người, phương tiện bị mất tích, ưu tiên các đối tượng dễ bị tổn thương.

- Lập các trạm cấp cứu lưu động hoặc phối hợp với địa phương trưng dụng các cơ quan, trường học cơ sở y tế tại các khu vực xảy ra thiên tai để tiếp nhận và sơ, cấp cứu người bị nạn.

- Xác định đối tượng, xây dựng biện pháp cứu trợ, hỗ trợ.

- Xây dựng các lán trại tạm thời cho người bị mất nhà cửa, tiến hành cấp phát lương thực, thực phẩm, nước uống cho người dân; thăm hỏi, động viên gia đình người bị nạn.

- Huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ: Việc huy động nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai phải được thực hiện trên tinh thần tương thân, tương ái, lá lành đùm lá rách trong cộng đồng; nhà nước và nhân dân cùng làm; cộng đồng doanh nghiệp và các nhà hảo tâm cùng hỗ trợ. Tổ chức tiếp nhận, phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn lực cứu trợ phải đảm bảo đúng mục đích và hiệu quả; đúng đối tượng, công bằng, dân chủ, công khai và minh bạch.

b) Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ gồm:

- Tổ chức thống kê, đánh giá mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra, xác định nhu cầu hỗ trợ, đề xuất phương án khắc phục hậu quả kịp thời.

- Đề xuất kiến nghị hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, giống cây trồng, vật nuôi để kịp thời ổn định đời sống người dân, khôi phục sản xuất.

- Vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

- Hỗ trợ sửa chữa, khắc phục trước mắt các công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, cơ sở y tế, trường học, thủy lợi, cấp nước, điện lực, thông tin liên lạc,... nhằm giải quyết những nhu cầu cấp thiết của nhân dân; tiến hành phân loại các công trình hạ tầng bị hư hỏng nặng đưa vào chương trình, kế hoạch trung hạn, dài hạn để sửa chữa, khôi phục, nâng cấp theo hướng bền vững, lâu dài.

c) Xây dựng tái thiết gồm:

- Hỗ trợ người dân bị thiệt hại về người, dân sinh, sản xuất theo quy định.

- Phân bổ kinh phí hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh và nguồn kinh phí dự phòng của các địa phương để đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng bị thiệt hại sau thiên tai theo thứ tự ưu tiên.

- Tổ chức rà soát lại cấp độ rủi ro của loại hình thiên tai vừa xảy ra so với kết quả đánh giá, điều chỉnh kế hoạch, phương án cho phù hợp.

- Tổ chức thực hiện các dự án, chương trình theo kế hoạch cập nhật mới, trong đó có dự án bố trí, sắp xếp dân cư nhằm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

3. Danh mục dự kiến các đề án, dự án, nhiệm vụ ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

3.1. Danh mục dự kiến các đề án, dự án, nhiệm vụ ưu tiên đầu tư

Giai đoạn 2026-2030 tập trung ưu tiên triển khai thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ về sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất; đầu tư tu bổ, nâng cấp các công trình phòng, chống thiên tai, nhất là công trình đê điều, hồ đập, chống úng, chống hạn; đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; tăng cường năng lực dự báo khí tượng thủy văn...

3.2. Nguồn lực thực hiện

Tổng kinh phí dự kiến bố trí cho các đề án, dự án, nhiệm vụ thuộc Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026-2030, tỉnh Thanh Hóa khoảng 7.113,954 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn Trung ương (Ngân sách Trung ương, vốn ODA và các nguồn vốn hợp pháp khác): 2.455,023 tỷ đồng.

- Nguồn vốn địa phương (Ngân sách địa phương, Quỹ Phòng, chống thiên tai và các nguồn huy động hợp pháp khác): 4.658,931 tỷ đồng.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

PHẦN IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026-2030, tỉnh Thanh Hóa, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện của đơn vị mình; lồng ghép nội dung kế hoạch của tỉnh với các chương trình, dự án có liên quan của đơn vị để tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao nhất; tổ chức đánh giá, báo cáo định kỳ về tiến độ thực hiện, kiến nghị điều chỉnh nội dung kế hoạch theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hằng năm báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện và đề xuất các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát đảm bảo việc thực thi pháp luật trong hoạt động phòng, chống thiên tai; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phương châm “4 tại chỗ” trong phòng, chống thiên tai và xây dựng cộng đồng an toàn gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Chỉ đạo, hướng dẫn công tác tu bổ, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, nhất là công trình đê điều, hồ đập, chống úng, chống hạn và các khu neo đậu tránh trú bão.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nâng cao năng lực cơ quan tham mưu phòng, chống thiên tai và đội ngũ làm công tác phòng, chống thiên tai các cấp; đẩy mạnh truyền thông, nâng cao kiến thức và kỹ năng ứng phó trong phòng, chống thiên tai; hiện đại hóa thiết bị thông tin liên lạc, thiết bị bảo đảm an toàn và giám sát tàu thuyền hoạt động trên biển.

- Chỉ đạo chuyển đổi sản xuất thích ứng với thiên tai, biến đổi khí hậu; ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, tưới, tiêu, cấp nước.

- Chỉ đạo các chủ hồ chứa thủy lợi thực hiện nghiêm quy định về quản lý an toàn đập và các quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa.

- Tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn công tác phòng cháy, chữa cháy rừng nói chung và do thiên tai gây ra nói riêng trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc khai thác tài nguyên, khoáng sản, đặc biệt là quản lý khai thác cát, sỏi lòng sông, ven biển tại những khu vực có nguy cơ làm gia tăng rủi ro thiên tai.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh sớm phê duyệt kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh. Tăng cường rà soát, cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, nước

biển dâng, dự báo dài hạn về thiên tai, nguồn nước, nhất là đối với các hệ thống sông trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh tổ chức quan trắc, đo đạc, theo dõi chặt chẽ, dự báo và cung cấp thông tin kịp thời về tình hình thiên tai và dòng chảy trên các sông phục vụ công tác chỉ đạo, ứng phó; tiếp tục nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; dự báo sớm, dài hạn, bảo đảm thông tin kịp thời, tin cậy, chính xác.

- Hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương, đơn vị liên quan lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát các khu vực trọng điểm, xung yếu phòng, chống thiên tai và lắp đặt hệ thống giám sát, bảo đảm thông tin liên lạc đối với các tàu cá đánh bắt vùng khơi. Đảm bảo đến năm 2030, 100% các khu vực trọng điểm, xung yếu phòng, chống thiên tai được lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát; 100% tàu cá đánh bắt vùng khơi được lắp đặt hệ thống giám sát, bảo đảm thông tin liên lạc.

- Chỉ đạo, hướng dẫn công tác xử lý môi trường sau thiên tai.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ tình hình thiên tai, các thảm họa, sự cố do thiên tai gây ra; thực hiện đầy đủ nhiệm vụ Văn phòng Thường trực Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh; tham mưu kịp thời, chính xác cho UBND tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan tổ chức rà soát, hoàn thiện kế hoạch ứng phó thiên tai; hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị quân đội đứng chân trên địa bàn, sẵn sàng về lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn tỉnh, nhất là hỗ trợ các địa phương sơ tán, di dời dân, cứu hộ, cứu nạn và lương thực, thực phẩm; nâng cao năng lực cho lực lượng làm nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn chuyên trách, kiêm nhiệm; tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo, diễn tập phòng thủ dân sự nói chung và phòng, chống thiên tai nói riêng.

- Tăng cường đầu tư hiện đại hóa phương tiện, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là khi xảy ra tình huống thảm họa, thiên tai, sự cố phức tạp trên biển, vùng sâu, vùng xa, bảo đảm tìm kiếm cứu nạn kịp thời.

- Chỉ đạo Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Triển khai công tác ứng phó các sự cố, tìm kiếm cứu nạn trong thiên tai trên khu vực biên giới, vùng biển, đảo; bắn pháo hiệu báo bão, áp thấp nhiệt đới tại 4 điểm trong đất liền theo quy định tại Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ tại (núi Đầu Bò - Đồn Biên phòng Hoàng Trường; Trường Lệ - Đồn Biên phòng Sầm Sơn; núi Du Xuyên - Đồn Biên phòng Hải Hòa; Đông Nam đảo Nghi Sơn - Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng Nghi Sơn); duy trì trực canh tại các Đài thông tin báo bão để thông báo, kêu gọi, hướng dẫn tàu thuyền di chuyển vào nơi tránh trú khi có bão, áp thấp nhiệt đới, thời tiết nguy hiểm; sẵn sàng tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin liên quan đến hoạt động tìm kiếm

cứu nạn trên biển và các lĩnh vực thuộc trách nhiệm của Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh.

4. Công an tỉnh: Chỉ đạo lực lượng Công an các đơn vị, địa phương phối hợp với các đơn vị chức năng kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về đề điều, phòng, chống thiên tai, thủy lợi, môi trường, tài nguyên nước, tập trung xử lý, ngăn chặn tình trạng khai thác cát sỏi và lập bến bãi tập kết trái phép, lấn chiếm lòng sông, bãi sông, gây cản trở dòng chảy. Tham gia thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn theo quy định; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, phối hợp cùng với các địa phương, đơn vị bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt khi xảy ra thiên tai.

5. Hội Chữ thập đỏ tỉnh: Phối hợp với các đơn vị liên quan kêu gọi, vận động các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra. Triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nhiệm vụ đã được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 10/3/2026 về triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

6. Sở Tài chính: Trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí đề tham mưu, báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn vốn ngân sách địa phương theo phân cấp; nguồn dự phòng Ngân sách Trung ương hỗ trợ và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án về phòng, chống thiên tai. Tham mưu lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Sở Công Thương

- Chỉ đạo các chủ hồ chứa thủy điện thực hiện nghiêm quy định về quản lý an toàn đập, quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và cung cấp số liệu, thông tin cho các cơ quan, đơn vị quy định theo Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã; lắp đặt hệ thống báo động, thông tin đến các hộ dân vùng hạ lưu nhận biết các tín hiệu khi các hồ chứa thủy điện tiến hành xả lũ.

- Chỉ đạo đảm bảo an toàn trước thiên tai, không để xảy ra sự cố, tai nạn đối với khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản công nghiệp; chỉ đạo Công ty Điện lực Thanh Hóa và các đơn vị liên quan xây dựng phương án dự phòng khôi phục nhanh hệ thống điện sau thiên tai để phục vụ công tác khắc phục hậu quả, khôi phục sản xuất và dân sinh.

- Hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương, đơn vị dự trữ hàng hóa thiết yếu, chú trọng khu vực thường xuyên bị thiên tai, nhất là vùng sâu, vùng xa; phối hợp với

các địa phương và các ngành liên quan thực hiện tốt việc dự phòng tại chỗ khi thiên tai xảy ra và ổn định thị trường.

8. Sở Xây dựng

- Chủ trì xây dựng và triển khai phương án đảm bảo giao thông trên các tuyến đường bộ, đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan xây dựng và triển khai phương án đảm bảo giao thông trên các tuyến đường sắt, đường hàng không, đường hàng hải và đường bộ ngoài phạm vi quản lý.

- Chủ trì kiểm tra, rà soát, xác định các vị trí, đoạn tuyến đường bộ, ngầm, tràn thuộc phạm vi quản lý hay xảy ra ngập lụt, sạt lở gây tắc đường và có phương án khắc phục kịp thời hậu quả thiên tai, đảm bảo thông xe trong thời gian sớm nhất.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường công tác kiểm tra, tuyên truyền đến các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho người, thiết bị và công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn, đặc biệt là trong mùa mưa bão; nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ sử dụng vật liệu mới, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, phù hợp với đặc điểm thiên tai đặc thù của các địa phương, nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng, công trình phòng, chống thiên tai đảm bảo an toàn với tần suất thiết kế và thích ứng với các tác động cực đoan của thiên tai.

9. Sở Y tế xây dựng kế hoạch dự phòng đầy đủ các cơ sở thuốc, dụng cụ y tế phục vụ phòng, chống thiên tai; tổ chức các đội cứu, tải thương để sẵn sàng làm nhiệm vụ khi có tình huống xảy ra; hướng dẫn công tác vệ sinh môi trường và tham gia phòng, chống dịch bệnh sau thiên tai.

10. Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng và tổ chức thực hiện phương án đảm bảo thông tin liên lạc để phục vụ chỉ huy, chỉ đạo công tác phòng, chống thiên tai của Lãnh đạo tỉnh và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh.

Phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, tham mưu cho UBND tỉnh ưu tiên đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về viễn thám, tin học, tự động hóa trong quản lý, khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu, công cụ hỗ trợ chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai.

11. Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống thiên tai, các biện pháp, kỹ năng ứng phó khi xảy ra thiên tai tới nhân dân và các cấp chính quyền, nhất là ở cơ sở.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, đơn vị liên quan có phương án đảm bảo an toàn cho khách du lịch, khu du lịch, các công trình văn hóa, di tích,... khi có tình huống thiên tai.

12. UBND các xã, phường

- Căn cứ quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT ngày 06/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và Kế hoạch của tỉnh, tiến hành xây dựng, cập nhật, hoàn thiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai của địa phương đảm bảo theo quy định và tình hình thực tế. Tổ chức thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nội dung của Kế hoạch và các chương trình, đề án, dự án phòng, chống thiên tai thuộc trách nhiệm quản lý.

- Chủ động bố trí kinh phí để lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát các khu vực trọng điểm, xung yếu phòng, chống thiên tai trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; đảm bảo đến năm 2030, 100% các khu vực trọng điểm, xung yếu phòng, chống thiên tai được lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát.

- UBND các xã, phường ven biển, các địa phương nghề cá đơn độc, hướng dẫn các chủ tàu cá đánh bắt vùng khơi lắp đặt, duy trì hệ thống giám sát, bảo đảm thông tin liên lạc; đảm bảo đến năm 2030, 100% tàu cá đánh bắt vùng khơi được lắp đặt hệ thống giám sát, bảo đảm thông tin liên lạc.

- Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; chú trọng nguồn lực tại chỗ theo phương châm “4 tại chỗ”.

- Bố trí ngân sách hàng năm và huy động các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và Kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan, khẩn trương tổ chức thực hiện kế hoạch này. Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

**Phụ lục: DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ THUỘC KẾ HOẠCH
PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI GIAI ĐOẠN 2026-2030, TỈNH THANH HÓA**
(Kèm theo Quyết định số: 1886 /QĐ-UBND ngày 29 / 6 /2026 của UBND tỉnh)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ			CƠ CẤU NGUỒN VỐN BỐ TRÍ GIAI ĐOẠN 2026-2030		GHI CHÚ
		TỔNG	Đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến bố trí giai đoạn 2026 - 2030	Trung ương, ODA, vốn khác	Địa phương	
I	ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ PHI CÔNG TRÌNH	255.972	1.500	254.472	0	254.472	
1	Nhiệm vụ “điều tra khảo sát, xây dựng Quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc địa bàn tỉnh Thanh Hoá chưa được quy định trong Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ”	5.339	1.500	3.839	0	3.839	Quyết định số 2549/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 của UBND tỉnh
2	Xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	3.000	0	3.000	0	3.000	Công văn số 595/UBND-NN ngày 12/01/2022 của UBND tỉnh
3	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai	7.000	0	7.000	0	7.000	Triển khai thực hiện Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 10/3/2026 của UBND tỉnh
4	Đề án “Nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự cho lực lượng Bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ, Dự bị động viên tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030”	240.633	0	240.633	0	240.633	Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh
II	ĐỀ ÁN, DỰ ÁN CÔNG TRÌNH	7.668.137	695.655	6.859.482	2.455.023	4.404.459	
II.1	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2021-2025 SANG GIAI ĐOẠN 2026-2030	799.451	483.755	315.696	0	315.696	
1	Kè chống sạt lở đê hữu sông Hoạt đoạn từ Yên Dương đến Hà Lai	14.000	5.900	8.100	0	8.100	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh

TT	ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ			CƠ CẤU NGUỒN VỐN BỐ TRÍ GIAI ĐOẠN 2026-2030		GHI CHÚ
		TỔNG	Đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến bố trí giai đoạn 2026 - 2030	Trung ương, ODA, vốn khác	Địa phương	
2	Kè đê sông Hoạt đoạn qua các xã Hoạt Giang, Hà Vinh, huyện Hà Trung	7.372	3.500	3.872	0	3.872	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
3	Nâng cấp, cải tạo, khắc phục sạt lở tuyến đê Đông sông Cung đoạn từ K5+950-K10+200, huyện Hoằng Hóa	68.398	43.000	25.398	0	25.398	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
4	Nâng cấp, cải tạo đê hữu sông Dừa, huyện Thiệu Hóa	130.000	72.000	58.000	0	58.000	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
5	Đầu tư xây dựng và nâng cấp đê Tam Điệp và cầu Hà Lan, thị xã Bim Sơn	268.630	172.350	96.280	0	96.280	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
6	Nâng cấp, tu bổ các đoạn xung yếu tuyến đê sông Tiêu Thủy, huyện Thọ Xuân	29.909	20.000	9.909	0	9.909	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
7	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoạt đoạn từ K27+700 đến K43+100, huyện Nga Sơn	145.642	129.005	16.637	0	16.637	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
8	Kiên cố hóa kênh 10 xã, huyện Hậu Lộc	76.500	29.900	46.600	0	46.600	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
9	Nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn Km28+760 đến Km33+500, huyện Nông Cống	59.000	8.100	50.900	0	50.900	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
II.2	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030	6.656.786	0	6.543.786	2.455.023	4.088.763	
1	Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất tại các xã khu vực miền núi của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030	1.159.844	0	1.159.844	188.753	971.091	Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh
2	Cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu chính Cầu Mư, xã Tây Đô	75.000	0	75.000	0	75.000	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
3	Xây dựng mới trạm bơm Hà Vinh 1	45.000	0	45.000	0	45.000	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh

TT	ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ			CƠ CẤU NGUỒN VỐN BỐ TRÍ GIAI ĐOẠN 2026-2030		GHI CHÚ
		TỔNG	Đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến bố trí giai đoạn 2026 - 2030	Trung ương, ODA, vốn khác	Địa phương	
4	Xây dựng trạm bơm tiêu Quảng Châu và mở rộng cống Quảng Châu	200.000	0	165.000	0	165.000	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
5	Đầu tư xây dựng mới cống Ngọc Quang tại K16+300 đê tả sông Chu, xã Xuân Lập	130.000	0	130.000	0	130.000	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
6	Kè xử lý sạt lở bờ biển khu vực Nam Sầm Sơn	50.000	0	50.000	0	50.000	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
7	Trạm bơm tiêu trên kênh An Thái, xã Tân Tiến	170.000	0	119.000	0	119.000	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
8	Đầu tư xây dựng mới cống tiêu Nội Hà tại K32+739 đê tả Cầu Chày, xã Định Hoà	50.000	0	50.000	0	50.000	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
9	Kè chống sạt lở kênh tiêu T2, xã Tống Sơn	90.000	0	63.000	0	63.000	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
10	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Càn xã Nga An (trước đây là xã Nga Phú, huyện Nga Sơn)	170.000	0	170.000	0	170.000	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
11	Hiện đại hóa hệ thống cấp nước Bái Thượng thích ứng với biến đổi khí hậu (ADB)	2.106.000	0	2.106.000	1.684.800	421.200	Quyết định số 1297/QĐ-TTg ngày 24/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ
12	Cơ sở hạ tầng nước có khả năng chống chịu biến đổi khí hậu và toàn diện cho các hộ sản xuất nhỏ ở nông thôn tỉnh Thanh Hóa (Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế của Liên Hợp Quốc (IFAD) và Quỹ Thích ứng (AF)).	794.560	0	794.560	570.970	223.590	Quyết định số 1275/QĐ-TTg ngày 26/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ
13	Xử lý sạt lở mái kênh tiêu năng hạ lưu cống Ngọc Quang tại vị trí K16+300 đê tả sông Chu, xã Xuân Lập	40.000	0	40.000	0	40.000	Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh

TT	ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ			CƠ CẤU NGUỒN VỐN BỐ TRÍ GIAI ĐOẠN 2026-2030		GHI CHÚ
		TỔNG	Đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến bố trí giai đoạn 2026 - 2030	Trung ương, ODA, vốn khác	Địa phương	
14	Xử lý sự cố sạt mái đê phía đông đoạn từ K45+400-K46+500 đê hữu sông Chu, phường Đông Tiến	8.000	0	8.000	0	8.000	Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh
15	Xử lý sự cố sạt mái, tụt chân đê phía sông đoạn từ K54+325-K54+525 đê hữu sông Mã, phường Quảng Phú	12.000	0	12.000	0	12.000	Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh
16	Xử lý sự cố sạt lở, xâm thực bờ biển phường Nam Sầm Sơn	10.000	0	10.000	0	10.000	Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh
17	Xử lý sự cố sạt lở đê tả sông Nhơ đoạn từ K14+618-K14+828 và đoạn từ K10+800-K11+600 xã Tân Ninh	28.000	0	28.000	0	28.000	Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh
18	Xử lý khẩn cấp sạt lở bờ tả sông Âm thuộc bản Lọng, xã Văn Phú	35.000	0	35.000	10.500	24.500	Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh
19	Kè bảo vệ khu vực bãi sông Bưởi, thôn Định Hưng, xã Kim Tân	10.000	0	10.000	0	10.000	Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh
20	Xử lý các điểm xung yếu, cứng hóa mặt đê tả sông Tiêu Thủy Xuân Sinh, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa	20.000	0	20.000	0	20.000	Quyết định số 648/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh
21	Xử lý khẩn cấp chống sạt lở đê hữu tả sông Chu đoạn từ K14+500 - K16+500 và sửa chữa, hư hỏng kè Cánh Hạ đoạn K18+644 - K19+800 xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa	20.000	0	20.000	0	20.000	Quyết định số 648/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh
22	Xử lý các điểm xung yếu, cứng hóa mặt đê tả sông Hoàng, phường Đông Sơn	19.500	0	19.500	0	19.500	Quyết định số 648/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh
23	Xử lý khẩn cấp sạt lở đất, đá núi Linh Trường tại thôn 1 và thôn Giang Sơn, xã Hoằng Tiến	68.000	0	68.000	0	68.000	Quyết định số 648/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh
24	Xử lý khẩn cấp kè biển khu du lịch Hải Tiến, xã	221.755	0	221.755	0	221.755	Quyết định số 648/QĐ-UBND ngày

TT	ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ			CƠ CẤU NGUỒN VỐN BỐ TRÍ GIAI ĐOẠN 2026-2030		GHI CHÚ
		TỔNG	Đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến bố trí giai đoạn 2026 - 2030	Trung ương, ODA, vốn khác	Địa phương	
	Hoảng Tiên						04/3/2026 của UBND tỉnh
25	Xử lý khẩn cấp sạt lở, hư hỏng tuyến kè bảo vệ bờ biển và đường giao thông ven biển gắn với tuyến kè, thuộc xã Hoảng Thanh	160.000	0	160.000	0	160.000	Quyết định số 648/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh
26	Xử lý các điểm ngập úng khu vực Trung tâm thành phố Thanh Hóa cũ (Ngã tư Bưu điện tỉnh, các đường: Hàn Thuyên, Lê Quý Đôn, Dương Đình Nghệ, Hải Thượng Lãn Ông và nạo vét kênh tiêu Mật Sơn)	14.905	0	14.905	0	14.905	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
27	Xử lý ngập úng khu dân cư hiện trạng các phường Đông Sơn, Quảng Thành, Đông Vệ, thành phố Thanh Hoá (cũ)	19.870	0	19.870	0	19.870	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
28	Xử lý ngập lụt cục bộ và bảo vệ, chỉnh trang cây xanh đô thị trên địa bàn phường Hạc Thành	13.412	0	13.412	0	13.412	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
29	Xử lý ngập úng (Khu vực phường Tân Sơn và khu dân cư Phú Thọ 3, phường Phú Sơn)	122.500	0	122.500	0	122.500	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
30	Đầu tư xây dựng 30 cầu dân sinh để kết nối các khu vực dân cư thường xuyên bị chia cắt khi có thiên tai, mưa lũ trên địa bàn các xã khu vực miền núi	793.440	0	793.440	0	793.440	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh
II.3	CÁC DỰ ÁN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI NĂM 2025, ĐÃ ĐƯỢC BỐ TRÍ KINH PHÍ, TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2026	211.900	211.900	0	0	0	
1	Xử lý sạt lở mái đê phía sông đoạn từ K54+750-K54+980 đê hữu sông Mã, phường Quảng Phú	6.500	6.500	0	0	0	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh

TT	ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ			CƠ CẤU NGUỒN VỐN BỐ TRÍ GIAI ĐOẠN 2026-2030		GHI CHÚ
		TỔNG	Đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến bố trí giai đoạn 2026 - 2030	Trung ương, ODA, vốn khác	Địa phương	
2	Xử lý sự cố hư hỏng cống Cuốn đổ ra kênh Than (cầu Hang) và cống tại vị trí sông Ngâm (tổ dân phố Đại Quang) phường Hải Lĩnh	4.500	4.500	0	0	0	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh
3	Xử lý khắc phục đề hữu sông Thị Long đoạn từ K0-K2+258, xã Các Sơn, K10+627- K11+077 phường Ngọc Sơn	12.000	12.000	0	0	0	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh
4	Xử lý sạt lở mái đê bao Quảng PhúcQuảng Vọng các đoạn: K2+160-K2+470 và K10+920 - K11+055, xã Quảng Ngọc	1.000	1.000	0	0	0	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh
5	Xử lý sạt lở bờ tả suối Khe Chậm đoạn qua thôn Tân Giao, xã Thăng Bình	20.000	20.000	0	0	0	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh
6	Xử lý khắc phục đê tả sông Hoàng đoạn từ K9+141 - K10+441, xã Triệu Sơn.	7.500	7.500	0	0	0	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh
7	Xử lý sự cố cống Vực Bru tại K12+070 đê hữu sông Nhôm, xã Tân Ninh	14.500	14.500	0	0	0	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh
8	Xử lý sạt lở bờ hữu sông Chu, đoạn qua khu dân cư thôn 3, xã Lam Sơn	8.000	8.000	0	0	0	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh
9	Xử lý khắc phục đê hữu sông Cầu Chày K2+770-K2+870, xã Xuân Tín	1.600	1.600	0	0	0	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh
10	Xử lý sạt lở mái đê bao tả, hữu Quảng Phú, xã Xuân Tín	4.500	4.500	0	0	0	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh
11	Xử lý sạt lở đê tả sông Chu các đoạn: K1+700 - K2+550, K5+830 - K6+130, K11+800 - K13+800, xã Thọ Lập, Xuân Lập	15.000	15.000	0	0	0	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh
12	Xử lý khắc phục đê tả sông Dừa đoạn từ K0+100-K0+200, xã Thiệu Toán	800	800	0	0	0	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh

TT	ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ			CƠ CẤU NGUỒN VỐN BỐ TRÍ GIAI ĐOẠN 2026-2030		GHI CHÚ
		TỔNG	Đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến bố trí giai đoạn 2026 - 2030	Trung ương, ODA, vốn khác	Địa phương	
13	Xử lý sự cố hư hỏng đê bao Thạch Định các vị trí từ K3+620-K9+318 xã Kim Tân	9.500	9.500	0	0	0	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh
14	Xử lý sạt lở bờ tả sông Mã, đoạn qua thôn Kim Mắm, xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa	20.000	20.000	0	0	0	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh
15	Xử lý sạt lở đất tại đồi Phòng Không, thôn Nguyễn Trãi, xã Linh Sơn	20.500	20.500	0	0	0	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh
16	Xử lý sạt lở bờ tả suối Vắn, đoạn qua khu dân cư bản Vắn, xã Yên Thắng	16.000	16.000	0	0	0	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh
17	Kè chống sạt lở bờ suối Chiềng bảo vệ khu trung tâm xã Yên Nhân	22.000	22.000	0	0	0	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh
18	Xử lý khẩn cấp sạt lở, san lấp mặt bằng đồi đất để ổn định dân cư tại thôn Lùm Nưa, xã Vạn Xuân	13.500	13.500	0	0	0	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh
19	Xử lý sạt lở đất tại đồi Pú Kắng, thôn Hai Huân, xã Thanh Phong	6.500	6.500	0	0	0	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh
20	Xử lý Chống sạt lở bờ Suối đoạn qua thôn Thống Nhất xã Thanh Quân	8.000	8.000	0	0	0	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh
II.4	CÁC DỰ ÁN DO BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG LÀ CƠ QUAN CHỦ QUẢN, DỰ KIẾN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2026-2030						
1	Nâng cấp, tu bổ đê điều xung yếu hệ thống sông Mã, sông Cả giai đoạn 2026-2030						Tổng mức đầu tư của các công trình, dự án và kinh phí phân bổ các năm do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định, phê duyệt
2	Trạm bơm Hoàng Khánh						
3	Tiêu úng vùng 3, Nông công giai đoạn 2						
4	Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ vùng Bắc Thanh Hóa						

TT	ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ			CƠ CẤU NGUỒN VỐN BỐ TRÍ GIAI ĐOẠN 2026-2030		GHI CHÚ
		TỔNG	Đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến bố trí giai đoạn 2026 - 2030	Trung ương, ODA, vốn khác	Địa phương	
5	Sửa chữa đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước (10 dự án thành phần)						
6	Dự án Quản lý tổng hợp rủi ro lũ lụt thích ứng biến đổi khí hậu (ADB10)						
7	Dự án nâng cao năng lực ứng phó thiên tai vùng ven biển Việt Nam (WB10)						
	TỔNG CỘNG (I+II)	7.924.109	697.155	7.113.954	2.455.023	4.658.931	